

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với 482 người nộp thuế thuộc đối tượng được xóa nợ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ quy định Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Định tại các Văn bản: số 1168/CTBDI-QLN, số 1169/TTr-CTBDI-QLN ngày 11/4/2023;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với 482 người nộp thuế còn nợ trước ngày 01/7/2020 với tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp là: 889.767.394 đồng (*Viết bằng chữ: Tám trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi bốn đồng*), trong đó:

- Số doanh nghiệp, tổ chức là: 0 người nộp thuế với tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp là: 0 đồng;

- Số cá nhân, cá nhân kinh doanh, hộ gia đình, hộ kinh doanh là: 482 người nộp thuế với tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp là: 889.767.394 đồng;

(Danh sách người nộp thuế được xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo phụ lục chi tiết kèm theo).

Lý do xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp: Người nộp thuế thuộc đối tượng được xóa nợ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14.

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin của hồ sơ xóa nợ.

Điều 2. Căn cứ vào số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ nêu tại Điều 1 trên đây, Cục Thuế tỉnh chỉ đạo đơn vị trực thuộc điều chỉnh số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp của người nộp thuế theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố Quy Nhơn; người nộp thuế có tên trong danh sách tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục Thuế;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- CCT TP Quy Nhơn;
- Website Cục Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, K17.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ ĐƯỢC XÓA NỢ TIỀN PHẠT CHẬM NỘP, TIỀN CHẬM NỘP

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Phường, xã	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):						
										4272	4917	4927	4931	4934	4943	4944
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17
	Tổng cộng		482	NNT					889.767.394	2.484.725	204.416.119	41.855.215	482.079.559	16.718.522	80.529.042	61.684.212
	P. Quang Trung		39	NNT					91.178.153	11.375	39.144.005	-	38.319.820	-	9.303.128	4.399.825
1	Lê Văn Quốc	4101234763	326 Tây Sơn	P. Quang Trung	Lê Văn Quốc	215051188	18/03/2010	CA Bình Định	2.450.640	-	816.876		1.633.764		-	-
2	Hồ Thị Lắm	8029419542	666 Nguyễn Thái Học	P. Quang Trung	Hồ Thị Lắm	211739359	10/04/2001	CA Bình Định	1.441.499	-	480.500		960.999		-	-
3	Nguyễn Văn Chuyển	4101480920	416 Nguyễn Thái Học	P. Quang Trung	Nguyễn Văn Chuyển	215110037	16/10/2016	CA Bình Định	2.120.157	-	574.389		1.436.148		-	109.620
4	Nguyễn Thị Hoài Hương	8338247058	35/2/18 Lý Thái Tổ	P. Quang Trung	Nguyễn Thị Hoài Hương	215053498	19/02/2009	CA Bình Định	1.454.820	-	415.770		831.540		-	207.510
5	Đặng Văn Kiêm	8389861097	386 Tây Sơn	P. Quang Trung	Đặng Văn Kiêm	210192939	20/01/2000	CA Bình Định	1.032.705	-	283.860		567.720		-	181.125
6	Võ Hồng Di Vi	8013470416	80 Lý Thái Tổ	P. Quang Trung	Võ Hồng Di Vi	211814460	07/11/2006	CA Bình Định	861.309	-	274.445		521.704		-	65.160
7	Nguyễn Tồn Thanh	8257729800	Tổ 4 khu vực 1	P. Quang Trung	Nguyễn Tồn Thanh	215254154	17/05/2007	CA Bình Định	1.185.832	-	359.344		720.771		-	105.717
8	Phạm Thị Kiều Thu	8034925382	107 Hoàng Văn Thu	P. Quang Trung	Phạm Thị Kiều Thu	215036964	08/11/2007	CA Bình Định	577.754	-	190.185		380.369		-	7.200
9	Ngô văn Tuấn	4100198463	Tổ 48, Khu Vực 5	P. Quang Trung	Ngô văn Tuấn	211373986	01/01/1980	CA Bình Định	2.628.912	-	495.827		1.028.103		749.422	355.560
10	Lương Thị Liễu	4101386879	11 Hoàng Văn Thu	P. Quang Trung	Lương Thị Liễu	211214744	03/01/2012	CA Bình Định	1.257.978	-	425.217		800.785		11.186	20.790
11	Nguyễn Thị Thảo	8086304178	Lô 61 V5 khu QH tái định cư Xóm Tiều	P. Quang Trung	Nguyễn Thị Thảo	211479332	10/06/2003	CA Bình Định	3.564.969	-	1.152.215		2.191.306		26.528	194.920
12	Võ Thành Thiên	8223412019	Tổ 8 khu vực 1	P. Quang Trung	Võ Thành Thiên	211555572	07/11/2002	CA Bình Định	7.464.942	-	2.031.599		4.062.662		974.561	396.120
13	Nguyễn Thị Vân	4100703719	Tổ 49, KV 5	P. Quang Trung	Nguyễn Thị Vân	181566615	11/08/1982	CA Nghệ An.	13.447.285	-	3.448.546		6.865.920		2.493.319	639.500
14	Nguyễn Thị Diệu	4100597179	462 Nguyễn Thái Học	P. Quang Trung	Nguyễn Thị Diệu	211628816	05/08/2004	CA Bình Định	46.475	-	-		-		38.975	7.500
15	Cao Trọng Biên	4100601499	592 Nguyễn Thái Học	P. Quang Trung	Cao Trọng Biên	182281082	20/06/1975	CA Nghệ An	132.450	-	-		-		70.320	62.130
16	Võ Thị Tường Vi	4101501169	264 Tây Sơn	P. Quang Trung	Võ Thị Tường Vi	211802745	12/04/2016	CA Bình Định	224.251	-	-		201.778		-	22.473
17	Từ Minh Lộc	8111979755	382A Nguyễn Thái Học	P. Quang Trung	Từ Minh Lộc	215327046	27/07/2013	CA Bình Định	144.133	-	38.113		89.100		-	16.920
18	Đồng Thị Thanh	4100213520	KV5	P. Quang Trung	Đồng Thị Thanh	211665907	01/01/1980	CA Bình Định	738.180	-	246.060		492.120		-	-
19	Trương Văn Tài	4100371340	Khu vực 4	P. Quang Trung	Trương Văn Tài	210015560	01/01/1980	CA Bình Định.	239.970	-	-		-		-	239.970
20	Nguyễn Ngọc Lành	4100385590	Đường số 25, Khu vực 8	P. Quang Trung	Nguyễn Ngọc Lành	211604520	28/06/1994	CA Bình Định	233.195	-	51.882		103.763		-	77.550
21	Trần Duy Tâm	4100429336	60 C Tây Sơn	P. Quang Trung	Trần Duy Tâm	210914582	01/01/1980	CA Bình Định	2.554.269	-	2.554.269		-		-	-
22	Hoàng Thị Khánh	4100454685	Lô 27 đường 16 B Cụm công nghiệp Quang Trung	P. Quang Trung	Hoàng Thị Khánh	211209594	24/04/2010	CA Bình Định	379.367	-	379.367		-		-	-

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Phường, xã	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):						
										4272	4917	4927	4931	4934	4943	4944
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17
23	Trần Thị Hiền	4100460174	Tổ 35, KV 4	P. Quang Trung	Trần Thị Hiền	210141824	07/11/2002	CA Bình Định	3.173.722	-	3.173.722		-		-	-
24	Trần Đình Chi	4100516116	Tổ 33, Khu vực 4	P. Quang Trung	Trần Đình Chi	211574394	27/08/2004	CA Bình Định	36.011.791	-	19.419.814		11.683.286		4.535.491	373.200
25	Nguyễn Thị Hiền	4100561172	KV 5	P. Quang Trung	Nguyễn Thị Hiền	210142050	29/05/1978	CA Bình Định	699.468	-	-		-		-	699.468
26	Phan Đình Tùng	4100597813	75 Hoàng Văn Thụ	P. Quang Trung	Phan Đình Tùng	211185508	26/02/2015	CA Bình Định	1.501.068	-	605.302		844.783		3.500	47.483
27	Đình Duy Quang	4100643925	85 Tô Hiến Thành	P. Quang Trung	Đình Duy Quang	211302560	11/12/2006	CA Bình Định	433.944	-	433.944		-		-	-
28	Phan Văn Tinh	4100741256	Tổ 74, KV 8	P. Quang Trung	Phan Văn Tinh	211301143	27/03/2003	CA Bình Định	42.936	-	42.936		-		-	-
29	Cao Thị Xuân Hồng	4101002522	Tổ 2, Khu vực 1	P. Quang Trung	Cao Thị Xuân Hồng	211413239	20/05/2004	CA Bình Định	37.452	-	-		-		-	37.452
30	Phạm Thị Hoa	4101392865	Tổ 7 khu vực 1	P. Quang Trung	Phạm Thị Hoa	211804341	07/03/2000	CA Bình Định	836.947	-	273.194		546.383		13.770	3.600
31	Dương Thị Hoa	4101405553	09 Nguyễn Xuân Nhì, Tổ 36 khu vực 4	P. Quang Trung	Dương Thị Hoa	211677524	19/09/2011	CA Bình Định	544.412	-	-		-		386.056	158.356
32	Lê Hữu Trí	8043523792	Tổ 40 khu vực 5	P. Quang Trung	Lê Hữu Trí	211817302	29/07/2016	CA Bình Định	460.440	-	138.567		277.113		-	44.760
33	Trương Triệu Vũ	8060110851	30 Hoàng Văn Thụ	P. Quang Trung	Trương Triệu Vũ	211435889	04/02/2015	CA Bình Định	11.375	11.375	-		-		-	-
34	Hồ Trần Nguyệt Hương	8106715517	306/22 Hoàng Văn Thụ	P. Quang Trung	Hồ Trần Nguyệt Hương	211412928	25/07/2011	CA Bình Định	24.914	-	-		-		-	24.914
35	Lê Tấn Tài	8130202989	09 Xuân Thủy	P. Quang Trung	Lê Tấn Tài	215070004	30/07/2015	CA Bình Định	87.618	-	19.997		39.991		-	27.630
36	Đỗ Thị Ngọc Bích	8223410205	Tổ 3, khu vực 1	P. Quang Trung	Đỗ Thị Ngọc Bích	215070127	07/09/2004	CA Bình Định	47.027	-	-		-		-	47.027
37	Thái Hùng Vĩ	8223413012	Tổ 20A khu vực 2	P. Quang Trung	Thái Hùng Vĩ	211611139	19/04/2010	CA Bình Định	159.755	-	47.261		112.494		-	-
38	Phạm Bá Giáo	8223414111	Tổ 15 khu vực 2	P. Quang Trung	Phạm Bá Giáo	215334621	14/04/2011	CA Bình Định	196.200	-	-		-		-	196.200
39	Nguyễn Minh Hoàng	8298311434	416 Nguyễn Thái Học	P. Quang Trung	Nguyễn Minh Hoàng	215129648	16/07/2005	CA Bình Định	2.727.992	-	770.804		1.927.218		-	29.970
	P. Lý Thường Kiệt		69	NNT					96.850.244	-	14.745.823	-	49.845.864	-	22.653.423	9.605.134
1	Dương Văn Thề	4101422654	Chợ Đêm	P. Lý Thường Kiệt	Dương Văn Thề	211019428	22/12/2006	CA Bình Định	197.292		42.308		-		-	154.984
2	ông Thúc Nga	4100481784	Chợ Sân Bay	P. Lý Thường Kiệt	ông Thúc Nga	220670972	01/01/1980	CA Phú Khánh	181.575		-		181.575		d	-
3	Lê Thị Thu Hà	4100537412	Lô 52 Chợ Sân Bay	P. Lý Thường Kiệt	Lê Thị Thu Hà	211171467	15/10/1999	CA Bình Định	499.146		-		321.099		178.047	-
4	Lê Thị Thảo	4100594548	Chợ Sân Bay	P. Lý Thường Kiệt	Lê Thị Thảo	210033829	19/02/2003	CA Bình Định	96.737		-		-		34.607	62.130
5	Nguyễn Xuân Thiều	4100598782	Lô 08 Chợ Sân Bay	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Xuân Thiều	210133732	04/01/1996	CA Bình Định	349.860		-		-		163.470	186.390
6	Nguyễn Thị Xuân Lộc	4100614547	Chợ sân bay	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Xuân Lộc	210212188	10/01/1996	CA Bình Định	150.650		-		-		88.520	62.130
7	Hồ Thị Gái	8200864146	Lô D7, Chợ Đêm Quy Nhơn	P. Lý Thường Kiệt	Hồ Thị Gái	210985819	15/05/2015	CA Bình Định	391.998		103.968		208.017		-	80.013
8	Trần Thị Trung	4101405916	Lô 12-28B Chợ Đêm	P. Lý Thường Kiệt	Trần Thị Trung	211838461	08/05/2012	CA Bình Định	579.347		-		-		268.697	310.650
9	Mai Thị Thanh	4100460946	131 Diên Hồng	P. Lý Thường Kiệt	Mai Thị Thanh	211939428	01/01/1980	CA Bình Định	156.346		156.346		-		-	-

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Phường, xã	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):						
										4272	4917	4927	4931	4934	4943	4944
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17
10	Hoàng Bá Long	4100698603	95 Diên Hồng	P. Lý Thường Kiệt	Hoàng Bá Long	161332890	07/07/2006	CA Nam Định	253.549		82.100		171.449		-	-
11	Hà Thị Tuyết Nhung	4100464806	Trung tâm hội chợ triển lãm Bình Định	P. Lý Thường Kiệt	Hà Thị Tuyết Nhung	210960836	21/01/2011	CA Bình Định	3.208.292		-		1.690.875		1.144.637	372.780
12	Nguyễn Thị ánh Tuyết	4100497093	Trung tâm Thương mại Quy Nhơn	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị ánh Tuyết	211136297	01/01/2010	CA Bình Định	3.546.064		-		1.970.328		1.265.086	310.650
13	Phan Thị Thuý Vinh	4100582528	Lô 25 Lê Xuân Trữ	P. Lý Thường Kiệt	Phan Thị Thuý Vinh	211707752	09/05/2000	CA Bình Định	5.132.295		1.423.239		2.385.792		1.323.264	-
14	Lâm Thị Thọ	4100603753	12 Hà Huy Tập	P. Lý Thường Kiệt	Lâm Thị Thọ	210033829	19/02/2003	CA Bình Định	436.952		-		214.638		160.184	62.130
15	Đinh Thị Huệ	4100503692	Lô B11+12 Trung Tâm Thương Mại Quy Nhơn	P. Lý Thường Kiệt	Đinh Thị Huệ	211300063	17/04/2003	CA Bình Định	131.050		-		-		68.920	62.130
16	Lê Trung Nam	4100718056	47 Tôn Đức Thắng	P. Lý Thường Kiệt	Lê Trung Nam	211683225	17/12/2002	CA Bình Định	92.875		-		61.454		27.711	3.710
17	Đinh Thị Xuân Thu	4100762383	05 Tôn Đức Thắng	P. Lý Thường Kiệt	Đinh Thị Xuân Thu	211318824	03/07/2003	CA Bình Định	2.472.704		-		1.590.528		882.176	-
18	Trần Nguyễn Duy Thanh	4100740580	Trung tâm thương mại Quy Nhơn	P. Lý Thường Kiệt	Trần Nguyễn Duy Thanh	211831869	03/09/2002	CA Bình Định	88.083		-		60.710		27.373	-
19	Trần Thị Hiền	4100830675	Trung tâm hội chợ triển lãm	P. Lý Thường Kiệt	Trần Thị Hiền	211112870	20/04/2004	CA Bình Định	2.214.416		-		1.051.597		790.039	372.780
20	Trương Thành Tiên	4100477040-001	Trung tâm thương mại Quy Nhơn	P. Lý Thường Kiệt	Trương Thành Tiên	210270522	14/05/2002	CA Bình Định	7.743.560		172.272		4.248.926		2.701.062	621.300
21	Hà Xuân Việt	4100514655-003	Lô siêu móng, Trung Tâm Thương Mại	P. Lý Thường Kiệt	Hà Xuân Việt	210031722	09/03/2004	CA Bình Định	732.533		-		197.760		68.798	465.975
22	Vô Thị Xuân Hương	4100646845-001	Lô siêu móng, Trung tâm thương mại	P. Lý Thường Kiệt	Vô Thị Xuân Hương	211622095	17/05/2005	CA Bình Định	539.631		-		-		484.971	54.660
23	Nguyễn Thị Phương	4100234400-001	Trung tâm hội chợ triển lãm Bình Định	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Phương	211186343	23/05/2000	CA Bình Định	4.233.708		2.982.287		-		709.321	542.100
24	Trịnh Thị Thanh Nguyệt	4100357272-001	C17+D17 Trung Tâm Thương Mại	P. Lý Thường Kiệt	Trịnh Thị Thanh Nguyệt	211185892	25/03/2003	CA Bình Định	2.272.099		-		1.140.020		821.429	310.650
25	Vô Thị Lệ	4100646813-001	Trung Tâm Hội Chợ Triển Lãm	P. Lý Thường Kiệt	Vô Thị Lệ	210171596	21/04/1978	CA Nghĩa bình	120.381		-		61.581		58.800	-
26	Nguyễn Thị Như Thuý	4100527622-002	Lô B5-6 Trung tâm Thương mại Quy Nhơn	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Như Thuý	211412102	07/04/2005	CA Bình Định	1.250.020		-		376		1.249.644	-
27	Nguyễn Thị Lê Hồng	8099210664	Trung Tâm Thương Mại Quy Nhơn	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Lê Hồng	211746842	22/01/2009	CA Bình Định	1.622.700		-		1.043.764		578.936	-
28	Trần Thị Thanh Trà	4101352887	Trung Tâm Thương Mại Quy Nhơn	P. Lý Thường Kiệt	Trần Thị Thanh Trà	211638019	24/03/1995	CA Bình Định	1.264.408		-		835.002		118.756	310.650
29	Nguyễn Thị Thọ	4100206883	28 Lê Xuân Trữ	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Thọ	210193310	02/03/2004	CA Bình Định	1.456.462		609.162		-		585.400	261.900
30	Trần Bá Thí	4100774646	67 Hoàng Diệu	P. Lý Thường Kiệt	Trần Bá Thí	211689043	11/10/1996	CA Bình Định	11.732.115		704.998		6.452.699		3.953.118	621.300

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Phường, xã	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):						
										4272	4917	4927	4931	4934	4943	4944
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17
31	Lê Khắc Hoài	4100830682	Lô 51, 53 Trường Chinh	P. Lý Thường Kiệt	Lê Khắc Hoài	211243420	23/01/2003	CA Bình Định	216.359		-		139.167		77.192	-
32	Nguyễn Thị Hiệp	4100601435-001	28 Lý Thường Kiệt	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Hiệp	210507474	21/09/1993	CA Bình Định	746.902		-		456.600		290.302	-
33	Đặng Trung Hiếu	4101426063	55 Mai Xuân Thưởng	P. Lý Thường Kiệt	Đặng Trung Hiếu	024874474	16/02/2008	CA TP HCM.	2.528.688		560.394		1.400.994		-	567.300
34	Nguyễn Minh Thanh	4100206523	Trung Tâm Hội Chợ triển Lâm Bình Định	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Minh Thanh	211415958	11/05/2000	CA Bình Định	2.107.203		-		1.355.422		751.781	-
35	Trương Thị Hồng Thương	4100724892	20 Phạm Hùng	P. Lý Thường Kiệt	Trương Thị Hồng Thương	215087797	28/06/2005	CA Bình Định	85.820		-		59.144		26.676	-
36	Nguyễn Thị Lệ	4100601322	76 Phạm Hùng	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Lệ	191550736	01/04/2002	CA Thừa Thiên Huế	232.021		-		144.649		87.372	-
37	Diệp Thị Nhon	4100736545	220 Tăng Bạt Hồ	P. Lý Thường Kiệt	Diệp Thị Nhon	210130719	17/11/2007	CA Bình Định	21.758		-		21		21.737	-
38	Trần Văn Sơn	4100779073	231A Tăng Bạt Hồ	P. Lý Thường Kiệt	Trần Văn Sơn	212126046	05/02/1998	CA Bình Định	189.304		-		121.756		67.548	-
39	Đồng Thị Têm	4100740598	59 Trần Phú	P. Lý Thường Kiệt	Đồng Thị Têm	030038570	08/04/1978	CA Hải Phòng	544.765		-		39.759		194.356	310.650
40	Phạm Thị Ngọc Lan	4100379727	75 Trần Phú	P. Lý Thường Kiệt	Phạm Thị Ngọc Lan	210153616	11/01/1996	CA Bình Định	85.282		-		58.774		26.508	-
41	Nguyễn Thị Phụng	4100732526	69 Trần Phú	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Phụng	211567938	18/07/2000	CA Bình Định	2.141.676		-		1.377.623		764.053	-
42	Nguyễn Thị Phương	4100909847	225B Tăng Bạt Hồ	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Phương	211317197	12/01/1996	CA Bình Định	736.063		-		287.087		262.586	186.390
43	Trịnh Thị Mỹ Hạnh	8206746357	68 Nguyễn Công Trứ	P. Lý Thường Kiệt	Trịnh Thị Mỹ Hạnh	211344021	14/05/2012	CA Bình Định	80.515		20.799		41.599		-	18.117
44	Nguyễn Thị Dung	4100754696	19 Trần Phú	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Dung	220988243	10/05/2006	CA Phú Yên	4.869.414		9.172		2.938.587		1.753.985	167.670
45	Đặng Phạm Minh Tuyên	4101541267	257 Tăng Bạt Hồ	P. Lý Thường Kiệt	Đặng Phạm Minh Tuyên	215230550	04/05/2013	CA Bình Định	52.174		12.832		25.662		-	13.680
46	Bùi Ngọc Hùng	4100438309	38 Trần Quang Diệu	P. Lý Thường Kiệt	Bùi Ngọc Hùng	211374684	28/03/2006	CA Bình Định	164.682		13.758		122.994		-	27.930
47	Hồ Văn Thạt	8106616509	Trung Tâm Thương Mại Quy Nhơn	P. Lý Thường Kiệt	Hồ Văn Thạt	215105223	16/01/2013	CA Bình Định	31.077		3.722		7.350		-	20.005
48	Lê Thị Kim Ngân	0308930826	Lô 12 Chợ Sân Bay	P. Lý Thường Kiệt	Lê Thị Kim Ngân	211850125	04/03/2016	CA Bình Định	14.040		120		240		-	13.680
49	Huỳnh Thị Thái Bình	4100561239	Chợ sân bay	P. Lý Thường Kiệt	Huỳnh Thị Thái Bình	211791951	05/02/1998	CA Bình Định	3.343.899		801.624		2.247.513		186.672	108.090
50	Nguyễn Trần Hoài Trúc Chi	4101502758	30 Nguyễn Công Trứ	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Trần Hoài Trúc Chi	221399746	27/11/2012	CA Bình Định	306.079		100.701		201.418			3.960
51	Nguyễn Thị Hiệp	4100601435	24 Lý Thường Kiệt	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Hiệp	210507474	28/10/2011	CA Bình Định	649.886		92.432		362.399		40.982	154.073
52	Võ Thị Hận	4101436262	81 Nguyễn Công Trứ	P. Lý Thường Kiệt	Võ Thị Hận	211405378	13/05/2004	CA Bình Định	5.792.313		1.826.951		3.654.352		-	311.010
53	Nguyễn Thông	4101310358-001	01 Nguyễn Tất Thành	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thông	211521877	18/03/2015	CA Bình Định	946.592		273.593		547.179		-	125.820
54	Nguyễn Thành Sơn	8031956632	106 Mai Xuân Thưởng	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thành Sơn	211096597	18/12/2007	CA Bình Định	1.358.396		434.817		869.663		-	53.916
55	Lê Thị Tuyết Nga	4101509055	Chợ Đêm	P. Lý Thường Kiệt	Lê Thị Tuyết Nga	215567503	30/05/2017	CA Bình Định	1.556.173		436.465		872.838			246.870
56	Nguyễn Thị Ánh	8266509791	Chợ Đêm	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Ánh	211723324	07/01/1997	CA Bình Định	1.556.173		436.465		872.838			246.870
57	Nguyễn Võ Tường VY	8391400230-001	Chợ Đêm	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Võ Tường VY	211640382	05/02/1998	CA Bình Định	358.307		74.109		148.148			136.050

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Phường, xã	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):						
										4272	4917	4927	4931	4934	4943	4944
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17
58	Đỗ Thị Thanh Tuyền	4101507731	Chợ Đêm	P. Lý Thường Kiệt	Đỗ Thị Thanh Tuyền	215333649	21/01/2011	CA Bình Định	448.222		124.756		249.526			73.940
59	Võ Thị Tuyết Mai	4101507795	Chợ Đêm	P. Lý Thường Kiệt	Võ Thị Tuyết Mai	211640382	11/08/2015	CA Bình Định	1.556.143		436.474		872.919			246.750
60	Mai Thị Bích Loan	4101423707	Chợ Đêm	P. Lý Thường Kiệt	Mai Thị Bích Loan	211096369	08/03/2007	CA Bình Định	824.470		290.924		385.496			148.050
61	Nguyễn Thị Hồng Nhân	8007315042	Chợ Đêm	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Hồng Nhân	211678816	10/01/2009	CA Bình Định	1.020.851		290.924		581.877			148.050
62	Nguyễn Thị Mười	4101510981	Chợ Đêm	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Mười	210133273	29/05/2008	CA Bình Định	579.322		162.845		375.707			40.770
63	Nguyễn Thị Kim Phụng	8228665285	Chợ Đêm	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Kim Phụng	211328155	20/08/2003	CA Bình Định	411.789		107.555		156.184			148.050
64	Nguyễn Thị Hồng Hoa	8284871940	22 Chu Văn An	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Hồng Hoa	215165669	13/03/2013	CA Bình Định	56.488		14.270		28.538		-	13.680
65	Mai Thị Thanh Thủy	4100879624	19 Nguyễn Huy Tưởng	P. Lý Thường Kiệt	Mai Thị Thanh Thủy	211845057	09/06/2016	CA Bình Định	66.899		18.490		36.979		-	11.430
66	Trần Thị Bích Đào	4100550251	Chợ Sân Bay	P. Lý Thường Kiệt	Trần Thị Bích Đào	210011630	27/01/1978	CA Bình định	4.490.928		882.225		2.832.856		348.707	427.140
67	Nguyễn Thị Thu Hương	4100800769	45 Hoàng Diệu	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Thu Hương	211706852	15/07/2003	CA Bình Định	2.427.355		730.806		1.459.939		-	236.610
68	Đặng Thị Thanh Ngọc	8542723363-001	94 Hà Huy Tập	P. Lý Thường Kiệt	Đặng Thị Thanh Ngọc	215166177	18/08/2009	CA Bình Định	53.619		13.311		26.628		-	13.680
69	Nguyễn Thanh Hoàng	8026296525	Chợ Đêm	P. Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thanh Hoàng	211852594	17/05/2011	CA Bình Định	1.051.749		298.609		597.249			155.891
	P. Lê Hồng Phong		51	NNT					123.116.120	0	34.942.047	0	77.523.613	0	4.223.793	6.426.667
1	Cao Lâm Hùng	4101393509	Tổ 39, Khu vực 6	P. Lê Hồng Phong	Cao Lâm Hùng	2,15E+09	27/02/2010	CA Bình Định	1.412.862		426.790		853.522		-	132.550
2	Võ Lân Trường	4101472849	271 Lê Hồng Phong	P. Lê Hồng Phong	Võ Lân Trường	230650715	03/04/2002	CA Gia Lai	147.600		49.200		98.400		-	-
3	Nguyễn Thị Cẩm Tú	8062154438	38 Phạm Ngũ Lão	P. Lê Hồng Phong	Nguyễn Thị Cẩm Tú	211896456	28/05/2007	CA Bình Định	1.807.754		516.366		1.014.488		-	276.900
4	Trần Thị Thanh Thủy	8124697564	286 Phan Bội Châu	P. Lê Hồng Phong	Trần Thị Thanh Thủy	191559562	14/03/2002	CA Thừa Thiên	232.474		-		194.314		-	38.160
5	Lê Văn Tuyền	8322907372	146 Nguyễn Thái Học	P. Lê Hồng Phong	Lê Văn Tuyền	231079081	29/02/2012	CA Gia Lai.	256.388		8.196		16.397		-	231.795
6	Trương Anh Việt	8015899923	198 Tăng Bạt Hổ	P. Lê Hồng Phong	Trương Anh Việt	215017501	12/02/2014	CA Bình Định	110.522		36.808		73.624		-	90
7	Lê Xuân Hoàng	4101258027	Tổ 44, Khu vực 6	P. Lê Hồng Phong	Lê Xuân Hoàng	211293452	02/08/2007	CA Bình Định	56.237		15.951		24.828		9.953	5.505
8	Thân Thị Yến	4101434642	Tổ 41, Khu vực 6	P. Lê Hồng Phong	Thân Thị Yến	210349226	16/05/2011	CA Bình Định	4.067.294		1.329.285		2.658.629		-	79.380
9	Trần Thụy Thảo Vy	4100599465	513 Trần Hưng Đạo	P. Lê Hồng Phong	Trần Thụy Thảo Vy	211894223	22/03/2002	CA Bình Định	2.156.271		675.532		1.351.079		17.700	111.960
10	Lê Thị Thanh Thủy	8079973668	Tổ 42, Khu vực 6	P. Lê Hồng Phong	Lê Thị Thanh Thủy	211665092	13/10/2005	CA Bình Định	7.418.342		2.323.219		4.647.133		-	447.990
11	Nguyễn Thị Phụng	8322075780	04 Nguyễn Thái Học	P. Lê Hồng Phong	Nguyễn Thị Phụng	215255941	13/01/2009	CA Bình Định	274.568		64.486		154.147		-	55.935
12	Bùi Thành Chung	4100995902-001	78A Mai Xuân Thưởng	P. Lê Hồng Phong	Bùi Thành Chung	182545865	06/07/2012	CA Bình Định	201.579		51.714		103.425		-	46.440
13	Nguyễn Thị Tâm	4101314338	282 Phan Bội Châu	P. Lê Hồng Phong	Nguyễn Thị Tâm	215193814	06/06/2016	CA Bình Định	146.517		48.810		97.617		-	90
14	Ngô Thị Thanh Phương Loan	4101512202	33A Phan Đình Phùng	P. Lê Hồng Phong	Ngô Thị Thanh Phương L	241564496	26/02/2013	CA Đắk Lắk	788.268		211.935		529.893		-	46.440
15	Hồ Thị Ái Khoa	8341418909	73A Bùi Thị Xuân	P. Lê Hồng Phong	Hồ Thị Ái Khoa	215134974	18/01/2018	CA Bình Định	269.883		64.557		161.406		-	43.920

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Phường, xã	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):						
										4272	4917	4927	4931	4934	4943	4944
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17
16	Nguyễn Minh Cường	8227942955	20A Nguyễn Công Trứ	P. Lê Hồng Phong	Nguyễn Minh Cường	211523076	03/06/1999	CA Bình Định	2.681.273		721.526		1.797.894		-	161.853
17	Trần Tú Khương	8507880236	Tổ 46, khu vực 7	P. Lê Hồng Phong	Trần Tú Khương	211672743	13/05/2016	CA Bình Định	173.977		57.181		114.366		-	2.430
18	Lê Đình Sáng	4100447504	331 Lê Hồng Phong	P. Lê Hồng Phong	Lê Đình Sáng	211096615	24/03/2014	CA Bình Định	7.426		2.005		5.421		-	-
19	Hồ Văn Bửu	4101509376	73 Lý Thường Kiệt	P. Lê Hồng Phong	Hồ Văn Bửu	215167141	30/03/2010	CA Bình Định	974.264		262.814		657.090		-	54.360
20	Lê Thị Hoa	4101374760	Tổ 39, Khu vực 6	P. Lê Hồng Phong	Lê Thị Hoa	211189291	04/08/2000	CA Bình Định	770.282		219.178		438.334		-	112.770
21	Võ Thị Thu Bi	4101390064	Tổ 39, Khu vực 6	P. Lê Hồng Phong	Võ Thị Thu Bi	211413936	30/08/2008	CA Bình Định	834.320		223.669		447.329		-	163.322
22	Đoàn Thị Thông	4101390113	Tổ 39, Khu vực 6	P. Lê Hồng Phong	Đoàn Thị Thông	211251979	06/08/1986	CA Bình Định	1.343.715		396.155		792.310		-	155.250
23	Võ Thị Thu Nguyệt	4101390120	Tổ 36, Tổ 6	P. Lê Hồng Phong	Võ Thị Thu Nguyệt	211137404	08/09/1984	CA Bình Định	1.352.672		399.137		798.285		-	155.250
24	Đoàn Văn Mười	4101390138	Tổ 39, Khu vực 6	P. Lê Hồng Phong	Đoàn Văn Mười	211402829	21/06/2013	CA Bình Định	490		-		-		-	490
25	Nguyễn Văn Dục	4101393040	Tổ 39, Khu vực 6	P. Lê Hồng Phong	Nguyễn Văn Dục	211592772	02/07/2012	CA Bình Định	1.565.745		427.143		853.117		126.515	158.970
26	Võ Thị Loan	4101524102	56 Mai Xuân Thưởng	P. Lê Hồng Phong	Võ Thị Loan	211894464	26/03/2010	CA Bình Định	445.184		127.199		317.985		-	-
27	Trần Đình Thành	4101456766-001	01 Phó Đức Chính	P. Lê Hồng Phong	Trần Đình Thành	215196012	04/12/2007	CA Bình Định	156.475		43.155		86.410		-	26.910
28	Đặng Thị Tuyết Hằng	4100348895	Tổ 41, Khu vực 6	P. Lê Hồng Phong	Đặng Thị Tuyết Hằng	211716747	09/09/1998	CA Bình Định	2.736.899		872.044		1.735.042		44.443	85.370
29	Phan Thị Xê	4100569830	Tổ 39, Khu vực 6	P. Lê Hồng Phong	Phan Thị Xê	210260191	28/07/2011	CA Bình Định	2.875.429		835.459		1.963.020		-	76.950
30	Hoàng Thị Mỹ	4100733054	21 Nguyễn Công Trứ	P. Lê Hồng Phong	Hoàng Thị Mỹ	210130534	31/07/2001	CA Bình Định	14.433.036		4.475.582		9.463.905		-	493.549
31	Nguyễn Thị Bé	4100460960	517 Trần Hưng Đạo	P. Lê Hồng Phong	Nguyễn Thị Bé	215281395	05/06/2009	CA Bình Định	234.708		52.578		114.900		-	67.230
32	Phan Thị Vân Khanh	4100356487	219 Lê Hồng Phong	P. Lê Hồng Phong	Phan Thị Vân Khanh	211040784	21/03/2012	CA Bình Định	4.600		-		-		4.600	-
33	Trần Ngọc Minh	4100648754	49 Mai Xuân Thưởng	P. Lê Hồng Phong	Trần Ngọc Minh	211122191	27/12/2006	CA Bình Định	198.502		-		127.681		70.821	-
34	Ngô Thị Có	4100655913	28 Nguyễn Thái Học	P. Lê Hồng Phong	Ngô Thị Có	210260193	25/07/2011	CA Bình Định	118.684		-		-		118.684	-
35	Đặng Văn Điều	4100731466	267 Lê Hồng Phong	P. Lê Hồng Phong	Đặng Văn Điều	151399219	01/04/1999	CA Thái Bình	1.261.209		-		1.025.176		236.033	-
36	Trần Xuân Minh	4100824199	599 Trần Hưng Đạo	P. Lê Hồng Phong	Trần Xuân Minh	211657399	18/01/1996	CA Bình Định	42.248		-		-		-	42.248
37	Nguyễn Thị Diệu Hạnh	4101393178	Tổ 42, Khu vực 6	P. Lê Hồng Phong	Nguyễn Thị Diệu Hạnh	211850809	09/10/2011	CA Bình Định	484.300		175.540		287.360		-	21.400
38	Nguyễn Văn Chung	8031077769	84 Mai Xuân Thưởng	P. Lê Hồng Phong	Nguyễn Văn Chung	211874158	28/03/2016	CA Bình Định	740.012		244.427		488.835		-	6.750
39	Nguyễn Thị Kim Thủy	8051934115	Tổ 41, Khu vực 6	P. Lê Hồng Phong	Nguyễn Thị Kim Thủy	211097421	11/08/2008	CA Bình Định	1.819.082		732.423		-		387.680	698.979
40	Nguyễn Thị Cảnh	8540096519	735 Trần Hưng Đạo	P. Lê Hồng Phong	Nguyễn Thị Cảnh	215055706	01/06/2015	CA Bình Định	155.671		39.975		97.446			18.250
41	Huỳnh Thị Mỹ Phú	4101392671	97 Phó Đức Chính	P. Lê Hồng Phong	Huỳnh Thị Mỹ Phú	211638239	12/04/1995	CA Bình Định	4.552.874		1.536.888		2.865.886			150.100
42	Phan Xuân Khanh	4100699526	04 Phan Đình Phùng	P. Lê Hồng Phong	Phan Xuân Khanh	211372971	15/04/1996	CA Bình Định	5.619.163		1.685.834		3.380.079		1.939	551.311
43	Đàm Văn Thành	4100663343	219 Lê Hồng Phong	P. Lê Hồng Phong	Đàm Văn Thành	211838595	18/02/2003	CA Bình Định	54.986.524		14.707.874		35.868.915		3.198.425	1.211.310

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Phường, xã	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):						
										4272	4917	4927	4931	4934	4943	4944
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17
44	Huỳnh Chí Trung	4101519857	Tổ 22 Khu Vực 4	P. Lê Hồng Phong	Huỳnh Chí Trung	215445664	12/03/2013	CA Bình Định	866.790		268.864		537.716			60.210
45	Đoàn Xuân Lộc	4101397535	Tổ 23 khu vực 4	P. Lê Hồng Phong	Đoàn Xuân Lộc	215199605	0/01/2009	CA Bình Định	277.450						7.000	270.450
46	Ngô Đình Thịnh	4101441784	116 Trần Phú	P. Lê Hồng Phong	Ngô Đình Thịnh	215047526	30/10/2012	CA Bình Định	358.797		95.441		246.076		-	17.280
47	Nguyễn Đình Nam	4101502074	08C Lý Thường Kiệt	P. Lê Hồng Phong	Nguyễn Đình Nam	215477985	13/03/2014	CA Bình Định	251.861		81.254		162.507		-	8.100
48	Lê Thị Thúy Hòa	4101555492	104A Trần Phú	P. Lê Hồng Phong	Lê Thị Thúy Hòa	230935949	20/06/2019	CA Gia Lai	25.965		4.095		8.190		-	13.680
49	Nguyễn Tuấn Hải	8413912147	Tổ 39, khu vực 6	P. Lê Hồng Phong	Nguyễn Tuấn Hải	215296644	13/11/2013	CA Bình Định	1.330.123		410.161		820.242		-	99.720
50	Nguyễn Thị Thanh Cung	4101512756	108 Trần Phú	P. Lê Hồng Phong	Nguyễn Thị Thanh Cung	215296812	16/03/2009	CA Bình Định	85.698		21.246		42.492		-	21.960
51	Phạm Thị Kiều Oanh	4101505357	82A Trần Phú	P. Lê Hồng Phong	Phạm Thị Kiều Oanh	215446632	09/04/2013	CA Bình Định	4.113		351		702		-	3.060
	P. Trần Phú		108	NNT					115.118.620	2.473.350	27.421.827	4.114.992	63.050.200	-	8.578.791	9.479.460
1	Nguyễn Văn Chiến	8159710583	37/ 1 Nguyễn Huệ, Tổ 3, Khu vực 1	P. Trần Phú	Nguyễn Văn Chiến	211301321	20/12/1999	CA Bình Định	3.357.528	-	1.247.168	-	2.110.360		-	-
2	Phan Tấn Lâm	4100210110	19 Nguyễn Trãi	P. Trần Phú	Phan Tấn Lâm	210171830	20/06/2000	CA Bình Định	9.086.688	2.308.350	2.521.407	-	3.132.493		246.266	878.172
3	Trần Văn Trung	8013434489	01 Phạm Ngọc Thạch	P. Trần Phú	Trần Văn Trung	211536414	31/05/2008	CA Bình Định	2	-	-	-	-		-	2
4	Nguyễn Thị Trang	4101354725	Tổ 6, Khu vực 1	P. Trần Phú	Nguyễn Thị Trang	215301335	15/09/2009	CA Bình Định	3.221.132	-	1.045.600	-	2.063.572		-	111.960
5	Nguyễn Xuân Thảo	4100616110	Tổ 6, Khu vực 1	P. Trần Phú	Nguyễn Xuân Thảo	211637449	21/08/2008	CA Bình Định	3.415.410	-	1.125.163	-	2.178.287		-	111.960
6	Lê Thị Như Lộc	4101424556	10A Trần Phú	P. Trần Phú	Lê Thị Như Lộc	211136086	29/02/2000	CA Bình Định	253.289	-	89.507	-	163.782		-	-
7	Lê Thụy Mỹ Trinh	4101476480	111 Lê Hồng Phong	P. Trần Phú	Lê Thụy Mỹ Trinh	215251453	01/07/2008	CA Bình Định	517.378	-	135.124	-	270.294		-	111.960
8	Nguyễn Thị Bón	8349399246	44 Đô Đốc Bảo	P. Trần Phú	Nguyễn Thị Bón	210151398	21/08/2014	CA Bình Định	3.074.172	-	982.395	-	1.954.233		-	137.544
9	Trương Thị Kim Kha	4101148602	111 Lê Hồng Phong	P. Trần Phú	Trương Thị Kim Kha	211248605	19/05/2005	CA Bình Định	305.736	-	101.757	-	203.439		-	540
10	Dương Đức Đông	8074845782	331 Nguyễn Huệ	P. Trần Phú	Dương Đức Đông	211783952	23/12/2014	CA Bình Định	1.242.680	-	377.610	-	753.240		-	111.830
11	Nguyễn Thị Kim Thu	4100545491	279 Nguyễn Huệ	P. Trần Phú	Nguyễn Thị Kim Thu	022976345	01/01/1994	CA TP. HCM	4.782.470	-	-	-	3.156.376		748.144	877.950
12	Phạm Thị Hồng Vân	4100575584	391A Nguyễn Huệ	P. Trần Phú	Phạm Thị Hồng Vân	211516862	29/11/2010	CA Bình Định	4.375.571	-	1.219.005	-	3.047.106		-	109.460
13	Trương Thị Chi	4100820204	Tổ 6, Khu vực 1	P. Trần Phú	Trương Thị Chi	211123424	15/03/2003	CA Bình Định	1.624.529	-	528.595	-	1.046.200		-	49.734
14	Thái Văn Hà	4100265215	Tổ 21, KV 3	P. Trần Phú	Thái Văn Hà	210190313	01/01/1980	CA Bình Định	5.618.475	-	1.826.421	-	3.342.840		-	449.214
15	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	8133823582	401 Nguyễn Huệ	P. Trần Phú	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	215030686	23/05/2006	CA Bình Định	2.272.558	-	542.488	-	1.356.390		-	373.680
16	Nguyễn Thị Nga	8036172776	44 Đô Đốc Bảo	P. Trần Phú	Nguyễn Thị Nga	211374045	08/01/2014	CA Bình Định	493.710	-	138.135	-	276.195		-	79.380
17	Nguyễn Thu Thủy	4101482967	185 Nguyễn Huệ	P. Trần Phú	Nguyễn Thu Thủy	215258045	08/07/2008	CA Bình Định	105.245	-	35.077	-	70.168		-	-
18	Phạm Thị Thu Thảo	4100618598	Chợ khu 2	P. Trần Phú	Phạm Thị Thu Thảo	210114903	15/11/2007	CA Bình Định	187.884	-	25.918	-	51.806		-	110.160

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Phường, xã	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):						
										4272	4917	4927	4931	4934	4943	4944
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17
19	Nguyễn Đức Xuân Huyền	4101494673	248 Nội Bộ Xuân Diệu	P. Trần Phú	Nguyễn Đức Xuân Huyền	211707873	20/12/2016	CA Bình Định	1.029.450	-	316.668	-	633.402		-	79.380
20	Phạm Thị Nữ	4101506907	53 Nguyễn Huệ	P. Trần Phú	Phạm Thị Nữ	211301363 BDI	18/10/2007	Bình Định	261.360	-	86.130	-	172.260		-	2.970
21	Mai Văn Lão	8194262013	Tổ 30, Khu vực 4	P. Trần Phú	Mai Văn Lão	210192239	29/01/2010	CA Bình Định	7.152.092	-	2.130.945	-	4.262.285		-	758.862
22	Nguyễn Thị Bích	4100555838	06 Phạm Ngọc Thạch	P. Trần Phú	Nguyễn Thị Bích	211301057	04/03/1987	CA Bình Định	950.713	-	330.054	-	620.659		-	-
23	Phạm Đình Nguyên	4101477389	Chợ Khu 2	P. Trần Phú	Phạm Đình Nguyên	211637006	27/05/1997	CA Bình Định	427.198	-	112.421	-	224.867		-	89.910
24	Cao Thị Phương Thuý	8100643369	401A Nguyễn Huệ	P. Trần Phú	Cao Thị Phương Thuý	215090048	28/08/2008	CA Bình Định	440.419	-	127.659	-	255.230		-	57.530
25	Trương Quang Hải	8039911979	128 Đô Đốc Bảo	P. Trần Phú	Trương Quang Hải	211882448	08/01/2018	CA Bình Định	109.083	-	20.822	-	41.634		-	46.627
26	Trần Thành Danh	8130313495	162 Đường Nội Bộ Xuân Diệu	P. Trần Phú	Trần Thành Danh	215169631	10/03/2008	CA Bình Định	1.121.579	-	349.720	-	699.499		-	72.360
27	Nguyễn Thị Gái	4101409847	252 Xuân Diệu	P. Trần Phú	Nguyễn Thị Gái	211523851	23/04/1992	CA Bình Định	8.666.049	-	2.924.611	-	5.228.668		-	512.770
28	Trương Minh Nam	4100321318	Tổ 36, Khu vực 4	P. Trần Phú	Trương Minh Nam	211033023	24/03/2008	CA Bình Định	9.782.358	-	2.415.885	-	4.831.437		2.040.516	494.520
29	Trần Văn Công	4101115854	123 Đường nội bộ Xuân Diệu	P. Trần Phú	Trần Văn Công	210221804	30/12/1999	CA Bình Định	9.346.150	-	3.062.312	-	6.044.908		-	238.930
30	Nguyễn Thị ánh Hồng	4101247321	Tổ 30, Khu vực 4	P. Trần Phú	Nguyễn Thị ánh Hồng	215190980	05/04/2007	CA Bình Định	14.835.635	-	3.021.977	-	9.022.188		2.064.836	726.634
31	Dương Thanh Tùng	8455801953	53-55 Phạm Ngọc Thạch	P. Trần Phú	Dương Thanh Tùng	215083504	13/03/2014	CA Bình Định	44.640	-	10.320	-	20.640		-	13.680
32	Thái Thị Ái Hiếu	4100225558	Tổ 21, Khu vực 3	P. Trần Phú	Thái Thị Ái Hiếu	211558031	19/07/2007	CA Bình Định	857.506	-	279.749	-	559.487		-	18.270
33	Trần Niêm Mạnh	4101206540	Tổ 3, Khu vực 1	P. Trần Phú	Trần Niêm Mạnh	211435208	18/08/2009	CA Bình Định	257.155	-	-	-	-		24.151	233.004
34	Võ Văn Hoàng	4101206759	Tổ 09, Khu vực 2	P. Trần Phú	Võ Văn Hoàng	211300531	13/04/2004	CA Bình Định	21.090	-	-	-	-		9.660	11.430
35	Nguy Phẩm	4101206780	Tổ 13, Khu vực 2	P. Trần Phú	Nguy Phẩm	210190581	16/03/1998	CA Bình Định	40.410	-	-	-	-		28.980	11.430
36	Nguyễn Ngọc hải	4101206798	Tổ 13, Khu vực 2	P. Trần Phú	Nguyễn Ngọc hải	211706538	16/02/1998	CA Bình Định	40.410	-	-	-	-		28.980	11.430
37	Nguyễn Vũ Bảo	4101206808	Tổ 13, Khu vực 2	P. Trần Phú	Nguyễn Vũ Bảo	215012169	25/03/2003	CA Bình Định	40.429	-	-	-	-		28.980	11.449
38	Phạm Thanh Dũng	4101206822	Tổ 10, Khu vực 2	P. Trần Phú	Phạm Thanh Dũng	211300513	28/12/1999	CA Bình Định	171.425	-	-	-	-		16.100	155.325
39	Đỗ Xuân Hoàng	4101206847	Tổ 15, Khu vực 2	P. Trần Phú	Đỗ Xuân Hoàng	215047301	04/03/2004	CA Bình Định	40.410	-	-	-	-		28.980	11.430
40	Lê Xuân Mười	4101206854	Tổ 27, Khu vực 4	P. Trần Phú	Lê Xuân Mười	211017894	13/01/2000	CA Bình Định	19.050	-	-	-	-		-	19.050
41	Phan văn Xứng	4101206879	Tổ 29, Khu vực 4	P. Trần Phú	Phan văn Xứng	215084682	21/12/2004	CA Bình Định	28.980	-	-	-	-		28.980	-
42	Hồ Văn Xức	4101207488	Tổ 13, Khu vực 2	P. Trần Phú	Hồ Văn Xức	210190495	24/05/2002	CA Bình Định	21.090	-	-	-	-		9.660	11.430
43	Nguyễn Đình út	4101208266	Tổ 19, Khu vực 3	P. Trần Phú	Nguyễn Đình út	211412470 BDI	17/01/2000	CA Bình Định	28.980	-	-	-	-		28.980	-
44	Hồ Minh Đức	4101217824	Tổ 14, Khu vực 2	P. Trần Phú	Hồ Minh Đức	210726892	27/12/1999	CA Bình Định	19.050	-	-	-	-		-	19.050
45	Nguyễn Đình Long	4101224645	Tổ 1, Khu vực 1	P. Trần Phú	Nguyễn Đình Long	210728735	13/12/1999	CA Bình Định	54.200	-	-	-	-		16.100	38.100
46	Nguyễn Văn Luyến	4101394598	Tổ 7 khu vực 1	P. Trần Phú	Nguyễn Văn Luyến	211542451	31/05/2012	CA Bình Định	43.201	-	-	-	-		24.151	19.050

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Phường, xã	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):						
										4272	4917	4927	4931	4934	4943	4944
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17
47	Trần Thị Mỹ Trang	4101411846	Tổ 10 khu vực 2	P. Trần Phú	Trần Thị Mỹ Trang	211435026	29/12/1999	CA Bình Định	43.201	-	-	-	-		24.151	19.050
48	Đinh Văn Thạo	4101412159	Tổ 10 khu vực 2	P. Trần Phú	Đinh Văn Thạo	215190285	11/07/2013	CA Bình Định	174.350	-	-	-	-		136.250	38.100
49	Thái Thị Mỹ Tâm	4100264204	245 Nguyễn Huệ	P. Trần Phú	Thái Thị Mỹ Tâm	210009431	01/01/1980	CA Bình Định	74.556	-	74.556	-	-		-	-
50	Trương Thị Tuyết	4100265173	233 K Tăng Bạt Hồ, phường Trần Phú	P. Trần Phú	Trương Thị Tuyết	210014113	01/01/1980	CA Bình Định	14.911	-	14.911	-	-		-	-
51	Nguyễn Khắc Nhon	4100334814	Tổ 27, Khu vực 4	P. Trần Phú	Nguyễn Khắc Nhon	211097878	11/01/2000	CA Bình Định	67.350	-	-	-	-		48.300	19.050
52	Trần Kiều	4100340208	Tổ 2, KV 1	P. Trần Phú	Trần Kiều	210113160	01/01/1980	CA Bình Định	2.872.685	-	-	1.687.430	883.603		282.602	19.050
53	Nguyễn Chi	4100340670	Tổ 1, KV 1	P. Trần Phú	Nguyễn Chi	210113040	14/12/1999	CA Bình Định	2.776.677	-	-	1.129.150	1.356.114		272.043	19.370
54	Phạm Nhựt	4100340790	63/8 Nguyễn Huệ	P. Trần Phú	Phạm Nhựt	211033180	19/12/1999	CA Bình Định	26.925	-	-	-	-		7.875	19.050
55	Nguyễn Văn Mạo	4100340818	Tổ 3, Khu Vực 1	P. Trần Phú	Nguyễn Văn Mạo	210112897	13/12/1999	CA Bình Định	19.050	-	-	-	-		-	19.050
56	Nguyễn Văn Lịch	4100341096	Tổ 03, Khu vực 1	P. Trần Phú	Nguyễn Văn Lịch	210112911	14/12/1999	CA Bình Định	43.201	-	-	-	-		24.151	19.050
57	Phan Văn Nhụy	4100341547	KV 4, phường Trần Phú	P. Trần Phú	Phan Văn Nhụy	211301269	01/01/1980	CA Bình Định	14.580	-	-	-	-		-	14.580
58	Phan Văn Thợ	4100341642	Tổ 30, Khu vực 4	P. Trần Phú	Phan Văn Thợ	210728500	19/02/2008	CA Bình Định	750.587	-	-	308.542	310.526		112.469	19.050
59	Mai Văn Công	4100341716	Tổ 30, Khu vực 4	P. Trần Phú	Mai Văn Công	211301122	07/08/2008	CA Bình Định	2.029.986	-	-	731.405	736.256		232.625	329.700
60	Trần Văn Đàng	4100367577	14/4 Kim Đồng	P. Trần Phú	Trần Văn Đàng	210985099	30/07/2007	CA Bình Định	21.090	-	-	-	-		9.660	11.430
61	Nguyễn Văn Phong	4100407808	Tổ 38, KV 5 - P. Trần Phú	P. Trần Phú	Nguyễn Văn Phong	211123237	01/01/1980	CA Bình Định	40.410	-	-	-	-		28.980	11.430
62	Nguyễn Thị Ngự	4100458087	Tổ 33 khu vực 5	P. Trần Phú	Nguyễn Thị Ngự	211809995	28/07/2015	CA Bình Định	179.995	-	55.339	-	110.674		-	13.982
63	Nguyễn Thị Sen	4100513161	11A Trần Độc	P. Trần Phú	Nguyễn Thị Sen	210409202	20/03/2001	CA Bình Định	465.940	165.000	-	-	24.570		276.370	-
64	Lê Văn Thuộc	4100530921	75/1 Nguyễn Huệ	P. Trần Phú	Lê Văn Thuộc	210112766	14/12/1999	CA Bình Định	57.350	-	-	-	-		19.250	38.100
65	Hà Văn Lang	4100534210	Tổ 36, Khu vực 4	P. Trần Phú	Hà Văn Lang	211558092	21/04/1992	CA Bình Định	35.150	-	-	-	-		16.100	19.050
66	Đinh Quốc Thông	4100537282	Tổ 10, Khu vực 2	P. Trần Phú	Đinh Quốc Thông	211826551	01/12/2000	CA Bình Định	712.049	-	-	258.465	325.686		108.848	19.050
67	Nguyễn Đình Hữu Chí	4100542525	Tổ 19, Khu vực 3	P. Trần Phú	Nguyễn Đình Hữu Chí	211122719	07/01/2000	CA Bình Định	91.503	-	-	-	-		72.453	19.050
68	Võ Thị Hoàng	4100577630	37 Bà Triệu-Phường Trần Phú	P. Trần Phú	Võ Thị Hoàng	210002589	18/07/2000	CA Bình Định	1.669.938	-	-	-	1.074.168		595.770	-
69	Phạm Bé	4100592822	Tổ 5-Khu vực 1-P. Trần Phú	P. Trần Phú	Phạm Bé	211702130	09/07/1986	CA Bình Định	27.831	-	-	-	-		-	27.831
70	Trương Thuý Phương	4100593495	180 Hai Bà Trưng	P. Trần Phú	Trương Thuý Phương	211646353	04/04/2000	CA Bình Định	581.036	-	146.378	-	434.658		-	-
71	Khổng Minh	4100677931	KV 02	P. Trần Phú	Khổng Minh	211018964	27/12/1999	CA Bình Định	685.700	-	-	-	-		64.400	621.300
72	Trần Thanh Đồng	4100679061	KV 05	P. Trần Phú	Trần Thanh Đồng	211018964	27/12/1999	CA Bình Định	289.770	-	-	-	-		103.380	186.390
73	Nguyễn xuân Khiêm	4100679738	KV 03. Phường Trần Phú	P. Trần Phú	Nguyễn xuân Khiêm	210409203	20/03/2001	CA Bình Định	40.410	-	-	-	-		28.980	11.430

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Phường, xã	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):						
										4272	4917	4927	4931	4934	4943	4944
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17
74	Nguyễn Chái	4101206639	Tổ 10, Khu vực 2	P. Trần Phú	Nguyễn Chái	211123523	24/12/1999	CA Bình Định	67.350	-	-	-	-	-	48.300	19.050
75	Mai Thị Nghị	4101206660	Tổ 10, Khu vực 2	P. Trần Phú	Mai Thị Nghị	210221698	28/12/1999	CA Bình Định	40.410	-	-	-	-	-	28.980	11.430
76	Nguyễn Văn Tiến	4101206702	Tổ 10, Khu vực 2	P. Trần Phú	Nguyễn Văn Tiến	211300474	29/12/1999	CA Bình Định	30.750	-	-	-	-	-	19.320	11.430
77	Nguyễn Văn Thương	4101206727	Tổ 10, Khu vực 2	P. Trần Phú	Nguyễn Văn Thương	215190721	13/12/2006	CA Bình Định	19.050	-	-	-	-	-	-	19.050
78	Hồ Xuân Bơi	4101206734	Tổ 32 Khu Vực 6	Phường Đồng Đa	Hồ Xuân Bơi	211838597	06/05/2016	CA Bình Định	12.150	-	-	-	-	-	-	12.150
79	Phạm văn Thuận	4101207343	Tổ 10, Khu vực 2	P. Trần Phú	Phạm văn Thuận	210221362	28/12/1999	CA Bình Định	171.425	-	-	-	-	-	16.100	155.325
80	Nguyễn Văn Cư	4101207368	Tổ 10, Khu vực 2	P. Trần Phú	Nguyễn Văn Cư	210221497	17/07/2004	CA Bình Định	60.390	-	-	-	-	-	28.980	31.410
81	Nguyễn Văn Lâm	4101207463	Tổ 12, Khu vực 2	P. Trần Phú	Nguyễn Văn Lâm	210180185	24/12/1999	CA Bình Định	67.350	-	-	-	-	-	48.300	19.050
82	Nguyễn Văn Lý	4101207470	Tổ 16, Khu vực 2	P. Trần Phú	Nguyễn Văn Lý	210221278	10/08/1999	CA Bình Định	40.410	-	-	-	-	-	28.980	11.430
83	Nguyễn văn Minh	4101207495	Tổ 13, Khu vực 2	P. Trần Phú	Nguyễn văn Minh	211017963	27/12/1999	CA Bình Định	67.593	-	-	-	-	-	48.300	19.293
84	Mai Hoà Lan	4101207512	Tổ 10, Khu vực 2	P. Trần Phú	Mai Hoà Lan	211122837	19/10/2006	CA Bình Định	68.072	-	-	-	-	-	48.300	19.772
85	Trương Văn Sang	4101207537	Tổ 14, Khu vực 2	P. Trần Phú	Trương Văn Sang	211122408	23/12/1999	CA Bình Định	21.136	-	-	-	-	-	9.660	11.476
86	Kim Văn Thanh	4101207544	Tổ 11, Khu vực 2	P. Trần Phú	Kim Văn Thanh	211543525	02/04/1993	CA Bình Định	67.350	-	-	-	-	-	48.300	19.050
87	Nguyễn Trung Nghĩa	4101207551	Tổ 13, Khu vực 2	P. Trần Phú	Nguyễn Trung Nghĩa	211586342	05/01/2000	CA Bình Định	21.090	-	-	-	-	-	9.660	11.430
88	Nguyễn Ngọc Thiện	4101207569	Tổ 8, Khu vực 2	P. Trần Phú	Nguyễn Ngọc Thiện	215190731	13/12/2006	CA Bình Định	40.410	-	-	-	-	-	28.980	11.430
89	Nguyễn Văn Nhớ	4101208202	Tổ 10, Khu vực 2	P. Trần Phú	Nguyễn Văn Nhớ	211592818	29/12/1999	CA Bình Định	40.410	-	-	-	-	-	28.980	11.430
90	Nguyễn Văn Bình	4101217373	Tổ 4, Khu vực 1	P. Trần Phú	Nguyễn Văn Bình	211707576	09/11/1999	CA Bình Định	28.675	-	-	-	-	-	9.625	19.050
91	Nguyễn Văn Tró	4101217623	63/16/1 Nguyễn Huệ	P. Trần Phú	Nguyễn Văn Tró	215084614	27/03/2010	CA Bình Định	35.150	-	-	-	-	-	16.100	19.050
92	Nguyễn Đình Hồ	4101217729	63/16/9 Nguyễn Huệ	P. Trần Phú	Nguyễn Đình Hồ	211301371	11/12/1998	CA Bình Định	53.850	-	-	-	-	-	15.750	38.100
93	Phan Thanh Phong	4101217743	75/3/3 Nguyễn Huệ	P. Trần Phú	Phan Thanh Phong	211621846	30/12/2001	CA Bình Định	70.300	-	-	-	-	-	32.200	38.100
94	Lê Thị Phương	4101217849	Tổ 10, Khu vực 2	P. Trần Phú	Lê Thị Phương	211186963	29/12/1999	CA Bình Định	40.410	-	-	-	-	-	28.980	11.430
95	Lê Đức Thắng	4101217895	Tổ 13, Khu vực 2	P. Trần Phú	Lê Đức Thắng	211542564	10/11/1993	CA Bình Định	67.350	-	-	-	-	-	48.300	19.050
96	Nguyễn Văn Sáu	4101217905	Tổ 10, Khu vực 2	P. Trần Phú	Nguyễn Văn Sáu	210720061	28/02/1999	CA Bình Định	40.410	-	-	-	-	-	28.980	11.430
97	Nguyễn Xuân Quý	4101218017	Tổ 19, Khu vực 3	P. Trần Phú	Nguyễn Xuân Quý	210190891	05/01/2000	CA Bình Định	21.090	-	-	-	-	-	9.660	11.430
98	Trần Sờ	4101218024	Tổ 19, Khu vực 3	P. Trần Phú	Trần Sờ	211586332	05/01/2000	CA Bình Định	21.195	-	-	-	-	-	9.765	11.430
99	Nguyễn Văn Định	4101218056	Tổ 30, Khu vực 4	P. Trần Phú	Nguyễn Văn Định	211412269	25/09/1998	CA Bình Định	14.650	-	-	-	-	-	3.220	11.430
100	Võ Đông Sơ	4101218063	96/21 Nguyễn Huệ	P. Trần Phú	Võ Đông Sơ	211862815	09/01/2001	CA Bình Định	35.150	-	-	-	-	-	16.100	19.050
101	Võ Anh Xuân	4101218070	96/21 Nguyễn Huệ	P. Trần Phú	Võ Anh Xuân	211746951	08/09/1998	CA Bình Định	35.150	-	-	-	-	-	16.100	19.050

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Phường, xã	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):						
										4272	4917	4927	4931	4934	4943	4944
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17
102	Phạm Hải Nam	4101218088	Tổ 4 khu vực 1	P. Trần Phú	Phạm Hải Nam	211586317	23/09/1993	CA Bình Định	53.850	-	-	-	-		15.750	38.100
103	Đỗ Ngọc Thanh	4101218095	4/6 Kim Đồng	P. Trần Phú	Đỗ Ngọc Thanh	2115922686	06/03/2003	CA Bình Định	28.675	-	-	-	-		9.625	19.050
104	Trần Đức Vinh	4101218144	Tổ 3, Khu vực 1	P. Trần Phú	Trần Đức Vinh	211558767	28/02/2008	CA Bình Định	35.664	-	-	-	-		16.100	19.564
105	Trần Văn Hiệp	4101218225	Tổ 1, khu vực 1	P. Trần Phú	Trần Văn Hiệp	211529927	29/05/2009	CA Bình Định	28.675	-	-	-	-		9.625	19.050
106	Hà Quốc Thống	4101220400	63/11/1 Nguyễn Huệ	P. Trần Phú	Hà Quốc Thống	211586430	31/05/2008	CA Bình Định	26.925	-	-	-	-		7.875	19.050
107	Trần Minh Đức	4101221186	Tổ 4, Khu vực 1	P. Trần Phú	Trần Minh Đức	211873137	24/05/2008	CA Bình Định	17.205	-	-	-	-		5.775	11.430
108	Nguyễn Văn Hữu	8095797434	Tổ 3 khu vực 1	P. Trần Phú	Nguyễn Văn Hữu	211123340	07/12/2011	CA Bình Định	38.100	-	-	-	-		-	38.100
	P. Nhơn Bình		29	NNT					34.124.136	0	6.366.027	0	17.017.684	4.657.201	1.998.215	4.085.009
1	Nguyễn Minh Khương	4100840842	Tổ 8, Khu vực 2	P. Nhơn Bình	Nguyễn Minh Khương	215814320	11/11/2004	CA Bình Định	136.650	0	0		0	0	0	136.650
2	Nguyễn Thị Liễu	4100609113	Khu vực 2	P. Nhơn Bình	Nguyễn Thị Liễu	120004749	28/02/1978	CA Hà Bắc	80.010	0	0		0	0	0	80.010
3	Nguyễn Thị Thanh Tùng	4100562916	Tổ 42 khu vực 6	P. Nhơn Bình	Nguyễn Thị Thanh Tùng	211350646	24/05/2002	CA Bình Định	13.350	0	0		0	0	0	13.350
4	Nguyễn Anh Vũ	8401483824	21 Phan Bá Vành, khu vực 1	P. Nhơn Bình	Nguyễn Anh Vũ	215139874	01.09.2018	CA Bình Định	92.811		26.347		52.694			13.770
5	Đỗ Thị Tôn	4101468063	Khu vực 1	P. Nhơn Bình	Đỗ Thị Tôn	215143697	10.07.2015	CA Bình Định	349.131		88.299		176.682			84.150
6	Diệp Anh Toàn	8125919107	Khu vực 1	P. Nhơn Bình	Diệp Anh Toàn	211785820	23.04.2014	CA Bình Định	438.862		142.467		284.875			11.520
7	Trần Thị Nhung	4101216203	Khu vực 6	P. Nhơn Bình	Trần Thị Nhung	211570342	28.05.1993	CA Bình Định	941.264		295.250		590.499		5.925	49.590
8	Phan Viết Đệ	8013386965	Khu vực 6	P. Nhơn Bình	Phan Viết Đệ	215084367	#####	CA Bình Định	1.063							1.063
9	Bùi Ngọc Vinh)	4101509552	Khu vực 9	P. Nhơn Bình	Bùi Ngọc Vinh)	215091787	12.07.2005	CA Bình Định	781.353		243.338		486.625			51.390
10	Trần Hữu Dư	8507336019	Tổ 10, khu vực 2	P. Nhơn Bình	Trần Hữu Dư	211881526	29/01/2016	CA Bình Định	258.258		69.879		174.699			13.680
11	Ung Thành Trung	8076937943	Tổ 13 khu vực 2	P. Nhơn Bình	Ung Thành Trung	211896513	29/09/2005	CA Bình Định	176.324	-	-		-	-	39.674	136.650
12	Nguyễn Thị Hữu Dung	4100718401	Khu vực 1	P. Nhơn Bình	Nguyễn Thị Hữu Dung	211462345	22/02/1990	CA Bình Định	2.823.407	-	651.230		1.804.122	-	181.665	186.390
13	Nguyễn Văn Danh	8281266945	Khu vực 1	P. Nhơn Bình	Nguyễn Văn Danh	211586059	12/06/2008	CA Bình Định	2.491.612	-	820.596		1.484.626	-	-	186.390
14	Nguyễn Thị Mỹ Ái	4101446616	Chợ Dinh	P. Nhơn Bình	Nguyễn Thị Mỹ Ái	211350621	18/03/1991	CA Bình Định	1.196.041	-	390.718		723.703	-	-	81.620
15	Nguyễn Thị Thắm	8281266984	Thửa đất số 52 khu QHDC Đông Võ Thị Sáu	P. Nhơn Bình	Nguyễn Thị Thắm	211300350	31/07/2010	CA Bình Định	4.743.041	-	-		-	4.657.201	19.240	66.600
16	Nguyễn Tăng A	4100542701	Khu vực 1	P. Nhơn Bình	Nguyễn Tăng A	210035101	13/12/1995	CA Bình Định	524.106	-	62.589		345.357	-	-	116.160
17	Nguyễn Thị Truyền	4101481240	112 Bùi Cầm Hổ	P. Nhơn Bình	Nguyễn Thị Truyền	211073421	15/11/2006	CA Bình Định	1.211.922	-	403.974		807.948	-	-	-
18	Ung Văn Lập	8340231383	04 Bùi cầm Hồ	P. Nhơn Bình	Ung Văn Lập	215053838	22/10/2013	CA Bình Định	748.272	-	213.294		533.268	-	-	1.710
19	Cao Huỳnh Hải	4100613487	Khu vực 1	P. Nhơn Bình	Cao Huỳnh Hải	211123018	20/11/1998	CA Bình Định	403.729	-	25.555		297.757	-	66.417	14.000

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Phường, xã	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):						
										4272	4917	4927	4931	4934	4943	4944
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17
20	Nguyễn Ngọc Châu	4101325266	Tổ 4 khu vực 1	P. Nhơn Bình	Nguyễn Ngọc Châu	211665082	02/06/2005	CA Bình Định	649.398	-	269.799		263.234	-	114.115	2.250
21	Trần Văn Khánh	8266518958	Tổ 3, Khu Vực 1	P. Nhơn Bình	Trần Văn Khánh	211761582	20/09/2011	CA Bình Định	380.689	-	99.959		199.820	-	-	80.910
22	Lê Thị Kiều Vy	8036185077	Tổ 42 khu vực 6	P. Nhơn Bình	Lê Thị Kiều Vy	211856571	01/09/2001	CA Bình Định	1.075.600	-	456.891		591.579	-	-	27.130
23	Nguyễn Ngọc Hiệp	4100208552	tổ 3 khu vực 1	P. Nhơn Bình	Nguyễn Ngọc Hiệp	211240369	05/03/1997	CA Bình Định	1.713.243	-	530.881		1.035.362	-	-	147.000
24	Trần Văn Dia	4100497569	286 Hùng Vương	P. Nhơn Bình	Trần Văn Dia	211301055	09/05/2014	CA Bình Định	671.929	-	236.277		433.042	-	-	2.610
25	Nguyễn Thị Mỹ Chung	4101477237	Tổ 2 khu vực 1	P. Nhơn Bình	Nguyễn Thị Mỹ Chung	211586434	01/03/2013	CA Bình Định	670.843	-	179.499		438.379	-	-	52.965
26	Trương Văn Hoà	4100405141	Khu vực 1	P. Nhơn Bình	Trương Văn Hoà	211223698	01/01/1980	CA Bình Định	3.440.485	-	900.312		2.250.780	-	150.343	139.050
27	Võ Văn Chín	4100959622	Tổ 42 khu vực 6	P. Nhơn Bình	Võ Văn Chín	211714035	24/06/1997	CA Bình Định	943.128	-	258.873		517.755	-	-	166.500
28	Nguyễn Thế Hào	8054594467	Khu vực 1	P. Nhơn Bình	Nguyễn Thế Hào	211547516	15/03/2003	CA Bình Định	4.058.023	-	-		2.465.215	-	559.533	1.033.275
29	Lê Minh Châu	4100892978	Khu vực 4	P. Nhơn Bình	Lê Minh Châu	210919122	09/03/1996	CA Bình Định	3.109.592	-	-		1.059.663	-	861.303	1.188.626
	Xã Nhơn Lý		46	NNT					103.256.779	-	2.687.917	37.515.684	45.579.485	54.106	9.881.465	7.538.122
1	Võ Đoán	4100341850	Thôn Lý Chánh	Xã Nhơn Lý	Võ Đoán	210092916	01/01/1980	CA Bình Định	1.191.108	-	-	936.273	113.076	-	141.759	-
2	Võ Mai Công	4100342445	Thôn Lý Hoà	Xã Nhơn Lý	Võ Mai Công	210964817	01/01/1980	CA Bình Định	1.073.478	-	-	772.724	199.934	-	100.820	-
3	Nguyễn Tấn Thành	4100343209	Thôn Lý Hoà	Xã Nhơn Lý	Nguyễn Tấn Thành	210092934	01/01/1980	CA Bình Định	12.636	-	-	-	-	-	-	12.636
4	Nguyễn Văn Dệ	4100343216	Thôn Lý Hưng	Xã Nhơn Lý	Nguyễn Văn Dệ	210224718	13/08/2009	CA Bình Định	3.733.025	-	-	1.549.774	1.820.101	-	363.150	-
5	Nguyễn Văn Long	4100343336	Thôn Lý Hưng	Xã Nhơn Lý	Nguyễn Văn Long	211185291	01/01/1980	CA Bình Định	126.536	-	-	200	112.459	-	13.877	-
6	Nguyễn Văn Công	4100343382	Thôn Lý Lương	Xã Nhơn Lý	Nguyễn Văn Công	210222712	01/01/1980	CA Bình Định	2.940.292	-	-	1.140.804	788.968	-	299.187	711.333
7	Trần Văn Mười	4100343424	Thôn Lý Hưng	Xã Nhơn Lý	Trần Văn Mười	211185189	01/01/1980	CA Bình Định	5.350.928	-	-	1.461.669	2.897.264	-	-	991.995
8	Mai Xi	4100344770	Lý Hưng	Xã Nhơn Lý	Mai Xi	210222717	13/08/2008	CA Bình Định	2.129.689	-	-	1.407.819	482.129	-	228.746	10.995
9	Huỳnh Văn Sướng	4100344788	Lý Hưng	Xã Nhơn Lý	Huỳnh Văn Sướng	211351492	21/01/1998	CA Bình Định	1.594.919	-	-	526.682	838.958	-	151.855	77.424
10	Đình Văn Khiêm	4100344844	Lý Hưng	Xã Nhơn Lý	Đình Văn Khiêm	210222463	01/01/1980	CA Bình Định	511.996	-	-	451.030	-	-	49.971	10.995
11	Huỳnh Thông	4100344900	Lý Hoà	Xã Nhơn Lý	Huỳnh Thông	211001737	01/01/1980	CA Bình Định	11.874.500	-	-	4.232.426	6.154.232	-	1.124.917	362.925
12	Nguyễn Nhiều	4100344957	Lý Hoà	Xã Nhơn Lý	Nguyễn Nhiều	210092541	01/01/1980	CA Bình Định	3.667.849	-	-	724.635	2.108.569	-	401.543	433.102
13	Trần Kim Châu	4100345090	Lý Lương - Nhơn Lý	Xã Nhơn Lý	Trần Kim Châu	210222454	01/01/1986	CA Bình Định	979.268	-	-	648.643	205.219	-	96.372	29.034
14	Nguyễn Văn Nghè	4100345277	Lý Lương - Nhơn Lý	Xã Nhơn Lý	Nguyễn Văn Nghè	210222707	01/01/1980	CA Bình Định	5.546.812	-	-	1.310.123	2.821.490	-	544.179	871.020
15	Văn Miên	4100345781	Lý Chánh	Xã Nhơn Lý	Văn Miên	211001903	01/01/1982	CA Bình Định	21.841.696	-	-	8.185.265	10.437.601	-	2.081.665	1.137.165
16	Trần Văn Hùng	4100346087	Lý Lương - Nhơn Lý	Xã Nhơn Lý	Trần Văn Hùng	211001802	01/01/1980	CA Bình Định	2.558.612	-	-	2.028.654	289.652	-	240.306	-
17	Nguyễn Văn Lân	4100346094	Lý Hoà	Xã Nhơn Lý	Nguyễn Văn Lân	211351467	01/01/1980	CA Bình Định	1.754.983	-	-	1.590.158	-	-	164.825	-

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Phường, xã	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):						
										4272	4917	4927	4931	4934	4943	4944
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17
18	Đinh Văn Nước	4100346150	Lý Lương	Xã Nhon Lý	Đinh Văn Nước	210222201	01/01/1980	CA Bình Định	732.397	-	-	663.611	-	-	68.786	-
19	Nguyễn Văn Bảy	4100346256	Lý Lương	Xã Nhon Lý	Nguyễn Văn Bảy	210222748	19/08/2004	CA Bình Định	1.173.286	-	-	975.565	65.858	-	131.863	-
20	Nguyễn Đức Dũng	4100346295	Lý Hưng	Xã Nhon Lý	Nguyễn Đức Dũng	211465043	01/01/1980	CA Bình Định	17.186.337	-	-	5.921.861	7.699.945	-	1.666.326	1.898.205
21	Mai Văn Chi	4100346376	Lý Hưng	Xã Nhon Lý	Mai Văn Chi	211351546	01/01/1980	CA Bình Định	511.063	-	-	315.104	119.936	-	65.028	10.995
22	Nguyễn Thạch	4100346400	Lý Lương	Xã Nhon Lý	Nguyễn Thạch	210222606	01/01/1980	CA Bình Định	1.317.578	-	-	754.262	439.572	-	123.744	-
23	Võ Thị Thuý Chương	4100347404	Lý Hoà	Xã Nhon Lý	Võ Thị Thuý Chương	211004819	01/01/1980	CA Bình Định	1.905.473	-	562.185	-	1.198.340	-	-	144.948
24	Lê Văn Thiều	4100463552	Lý Chánh	Xã Nhon Lý	Lê Văn Thiều	211570035	01/01/1980	CA Bình Định	1.943.718	-	-	587.040	-	-	1.356.678	-
25	Lý Chí Trinh	4100463577	Lý Chánh	Xã Nhon Lý	Lý Chí Trinh	211723843	01/01/2015	CA Bình Định	3.577.686	-	-	918.803	2.074.470	-	342.463	241.950
26	Phạm Hàm	4100516532	Lý Hoà	Xã Nhon Lý	Phạm Hàm	210092367	21/06/1978	CA Bình Định	127.762	-	-	115.763	-	-	11.999	-
27	Phan Châu	4100564582	Lý Hoà	Xã Nhon Lý	Phan Châu	211001960	14/08/2008	CA Bình Định	5.466	-	-	5.466	-	-	-	-
28	Phan Minh Hiếu	4100565018	Lý Hoà	Xã Nhon Lý	Phan Minh Hiếu	211240222	26/02/1998	CA Bình Định	80.273	-	-	-	80.273	-	-	-
29	Nguyễn Ngọc Viên	4100565191	Lý Chánh	Xã Nhon Lý	Nguyễn Ngọc Viên	211723841	28/02/1998	CA Bình Định	115.470	-	-	104.626	-	-	10.844	-
30	Phạm Văn Tịnh	4100566237	Lý Hoà	Xã Nhon Lý	Phạm Văn Tịnh	211723786	26/12/1998	CA Bình Định	48.300	-	-	-	-	-	48.300	-
31	Nguyễn Đức ấn	4100578546	Lý Lương	Xã Nhon Lý	Nguyễn Đức ấn	211567776	31/03/1993	CA Bình Định	57.931	-	-	2.485	35.417	-	20.029	-
32	Trần Văn Bảy	4100578560	Lý Hưng	Xã Nhon Lý	Trần Văn Bảy	211001919	15/06/1982	CA Bình Định	41.631	-	-	28.580	13.051	-	-	-
33	Nguyễn Văn Chánh	4100578627	Lý Hưng	Xã Nhon Lý	Nguyễn Văn Chánh	211351505	14/10/1987	CA Bình Định	187.872	-	-	155.639	-	-	32.233	-
34	Trần Thị Hương	4101469959	Lý Hưng	Xã Nhon Lý	Trần Thị Hương	211194483	29/10/2002	CA Bình Định	923.648	-	306.982	-	613.966	-	-	2.700
35	Võ Thành Luân	4101471147	Lý Hưng	Xã Nhon Lý	Võ Thành Luân	215378735	29/09/2010	CA Bình Định	104.925	-	-	-	-	-	-	104.925
36	Nguyễn Tấn Sinh	4101471161	Lý Hòa	Xã Nhon Lý	Nguyễn Tấn Sinh	211465035	16/04/2015	CA Bình Định	1.950	-	-	-	-	-	-	1.950
37	Đinh Văn Bé	4101486168	Thôn Lý Hưng	Xã Nhon Lý	Đinh Văn Bé	215337087	03/11/2014	CA Bình Định	2.267.475	-	624.180	-	1.462.395	-	-	180.900
38	Trương Thị Lộc	5900146353	Thôn Lý Lương	Xã Nhon Lý	Trương Thị Lộc	230534146	01/01/1980	CA Gia Lai	280.005	-	91.812	-	183.693	-	-	4.500
39	Nguyễn Thị Bích Hữu	8028061952	Thôn Lý Hòa	Xã Nhon Lý	Nguyễn Thị Bích Hữu	215071316	21/08/2012	CA Bình Định	670.910	-	190.485	-	380.975	-	-	99.450
40	Trần Văn Vương	8070919440	Lô 49A, Lý Hòa	Xã Nhon Lý	Trần Văn Vương	211853632	17/02/2009	CA Bình Định	765.248	-	212.019	-	534.914	-	-	18.315
41	Ca Xuân Hòa	8118086990	Thôn Lý Hòa	Xã Nhon Lý	Ca Xuân Hòa	211826661	26/01/2012	CA Bình Định	1.090.656	-	335.283	-	670.593	-	-	84.780
42	Nguyễn Chánh Mạnh	8185027574	Thôn Lý Hưng	Xã Nhon Lý	Nguyễn Chánh Mạnh	211185131	24/05/2011	CA Bình Định	32.768	-	9.180	-	23.588	-	-	-
43	Bạch Xuân Thao	8251369164	Lý Hoà	Xã Nhon Lý	Bạch Xuân Thao	211240245	30/08/2013	CA Bình Định	56.431	-	-	-	-	54.106	-	2.325
44	Nguyễn Quang Ly	8260453077	Lý Hoà	Xã Nhon Lý	Nguyễn Quang Ly	211567828	13/08/2008	CA Bình Định	178.290	-	52.784	-	104.941	-	-	20.565
45	Nguyễn Đức Phúc	8260454472	Thôn Lý Hưng	Xã Nhon Lý	Nguyễn Đức Phúc	211351585	10/07/2008	CA Bình Định	717.069	-	220.507	-	441.662	-	-	54.900

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Phường, xã	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):						
										4272	4917	4927	4931	4934	4943	4944
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17
46	Phan Quốc Phú	8313572881	thôn Lý Hưng	Xã Nhơn Lý	Phan Quốc Phú	215177244	10/02/2017	CA Bình Định	266.834	-	82.500	-	166.244	-	-	18.090
Xã Nhơn Hội			7	NNT					45.868.699	0	11.076.479	0	22.602.774	11.733.597	4.420	451.429
1	Phạm Duy Phương	4101447426	Thửa 553A-554A khu TĐC Nhơn Phước	Xã Nhơn Hội	Phạm Duy Phương	215353307	06/04/2010	CA Bình Định	29.386.806		9.613.729		19.749.427	-	-	23.650
2	Nguyễn Thị Lý	4101448282	Khu TĐC Nhơn Phước	Xã Nhơn Hội	Nguyễn Thị Lý	211350820	26/02/2009	CA Bình Định	1.025.301		310.056		620.115	-	-	95.130
3	Nguyễn Thị Bích Vân	8231756951	Khu TĐC Nhơn Phước	Xã Nhơn Hội	Nguyễn Thị Bích Vân	215256686	12/06/1993	CA Bình Định	282.460		90.453		192.007	-	-	-
4	Nguyễn Thanh Phong	8231754111	Khu TĐC Nhơn Phước	Xã Nhơn Hội	Nguyễn Thanh Phong	211142807	23/03/2011	CA Bình Định	14.936.627		1.010.521		1.937.815	11.733.597	-	254.694
5	Phan Thanh Tùng	4101469395	Khu TĐC Nhơn Phước	Xã Nhơn Hội	Phan Thanh Tùng	215014613	11/04/2002	CA Bình Định	218.535		51.720		103.410	-	-	63.405
6	Võ Thị Tuy	4101407790	Lô 609 thôn Nhơn Phước	Xã Nhơn Hội	Võ Thị Tuy	211290003	23/09/2010	CA Bình Định	13.120		-		-	-	4.420	8.700
7	Trịnh Thị Hồng Thư	4101401823	Lô 80 thôn Nhơn Phước	Xã Nhơn Hội	Trịnh Thị Hồng Thư	210224209	20/04/2006	CA Bình Định	5.850		-		-	-	-	5.850
P. Ghềnh Ráng			14	NNT					33.857.032	-	8.738.575	-	21.096.865	-	1.862.285	2.159.307
1	Phạm Thoa	4100720432	Tổ 22, Khu vực 5, P.Ghềnh Ráng	P. Ghềnh Ráng	Phạm Thoa	215168674	22/08/2006	CA Bình Định	204.975		-		-		-	204.975
2	Nguyễn Hồng Chương	8074542097	28 Nguyễn Văn	P. Ghềnh Ráng	Nguyễn Hồng Chương	211585416	24/05/2002	CA Bình Định	670.023		190.548		381.096		98.379	-
3	Đoàn Thị Ngọc Lương	4101395898	70/1 Hàn Mặc Tử	P. Ghềnh Ráng	Đoàn Thị Ngọc Lương	215069981	11/10/2011	CA Bình Định	2.609.265		-		1.712.146		688.319	208.800
4	Đoàn Linh Tâm	4101426916	Kios 8 Lầu 1 Trung tâm thương mại Big C	P. Ghềnh Ráng	Đoàn Linh Tâm	215142035	09/08/2006	CA Bình Định	3.784.947		650.349		2.503.698		9.600	621.300
5	Võ Thị Mười	4101331742	Tổ 23E, Khu vực 5	P. Ghềnh Ráng	Võ Thị Mười	210003558	23/05/2011	CA Bình Định	154.944		32.760		65.520		56.664	-
6	Phan Ngọc Nam	4100997434	72 Hàn Mặc Tử	P. Ghềnh Ráng	Phan Ngọc Nam	024872995	15/01/2008	CA Bình Định	645.573		213.087		426.096		-	6.390
7	Phạm thị Yến	4100262447	KV 3	P. Ghềnh Ráng	Phạm thị Yến	210142375	01/01/1980	CA Bình Định	11.993.173		3.743.886		7.491.768		160.334	597.185
8	Huỳnh Anh Hào	4101389333	28 Lê Văn Tú	P. Ghềnh Ráng	Huỳnh Anh Hào	211652359	08/09/1998	CA Bình Định	9.125.677		2.918.397		5.836.050		2.475	368.755
9	Nguyễn Trần Phong	8282345519	01A Đội Cấn	P. Ghềnh Ráng	Nguyễn Trần Phong	273367665	21/08/2014	CA Bà Rịa Vũng Tàu	358.365		92.994		185.991		-	79.380
10	Nguyễn Thị Diệu Hiền	4101461879	Lô 11M khu QHDC Bông Hồng, đường Chế Lan Viên	P. Ghềnh Ráng	Nguyễn Thị Diệu Hiền	215089408	01/03/2005	CA Bình Định	810.486		231.336		578.340		-	810
11	Võ Thị Thu Ngọc	4101465873	199 Võ Liễu	P. Ghềnh Ráng	Võ Thị Thu Ngọc	215180403	08/02/2010	CA Bình Định	1.136.961		324.855		812.106		-	-
12	Nguyễn Hữu Chiến	8208808633	Tổ 20, Khu vực 3	P. Ghềnh Ráng	Nguyễn Hữu Chiến	210425757	15/03/2005	CA Bình Định	1.940.695		212.310		847.921		846.514	33.950
13	Võ Thị Hà	4100691069	Khu vực 3	P. Ghềnh Ráng	Võ Thị Hà	2,151E+09	09/08/2005	CA Bình Định	96.659		26.084		52.163		-	18.412
14	Huỳnh Thị Hồng Lan	8074025268	Ki ô t 01 Bến Xe Quy Nhơn	P. Ghềnh Ráng	Huỳnh Thị Hồng Lan	211359883	30/08/2005	CA Bình Định	325.289		101.969		203.970		-	19.350
P. Đống Đa			48	NNT					114.923.175	-	31.100.354	224.539	69.963.262	273.618	5.131.304	8.230.098

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Phường, xã	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):						
										4272	4917	4927	4931	4934	4943	4944
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17
1	Đinh Thị Hồng Phương	4100237377	674 Trần Hưng Đạo	P. Đồng Đa	Đinh Thị Hồng Phương	211243055	01/01/1980	CA Bình Định	69.672	-	23.052	-	46.620	-	-	-
2	Bùi Tấn Phát	4100321124	Phường Đồng Đa	P. Đồng Đa	Bùi Tấn Phát	210861467	01/01/1980	CA Bình Định	947.842	-	-	224.539	385.148	-	338.155	-
3	Nguyễn Thị Luận	4100442094	937 Trần Hưng Đạo	P. Đồng Đa	Nguyễn Thị Luận	210271998	01/01/1980	CA Bình Định	704.596	-	208.405	-	416.811	-	-	79.380
4	Huỳnh Văn Kia	4100519420	Thửa đất số 115 Nam Sông Hà Thanh	P. Đồng Đa	Huỳnh Văn Kia	211135607	05/04/2013	CA Bình Định	8.895.254	-	2.115.523	-	5.937.422	-	389.969	452.340
5	Nguyễn Văn Hùng	4100548982	KV 2	P. Đồng Đa	Nguyễn Văn Hùng	211465530	01/01/1980	CA Bình Định	1.429.449	-	421.530	-	841.143	-	81.396	85.380
6	Nguyễn Đình Thiện	4100574781	tổ 3 khu vực 1	P. Đồng Đa	Nguyễn Đình Thiện	211750291	16/08/2014	CA Bình Định	3.669.769	-	1.056.040	-	2.111.920	-	-	501.809
7	Nguyễn Thao	4100589989	Lô 18 G KQHDC Nam Sông Hà Thanh	P. Đồng Đa	Nguyễn Thao	211327847	12/05/2008	CA Bình Định	9.634.333	-	2.700.537	-	5.602.520	-	928.016	403.260
8	Trần Thị Bích Thủy	4100598246	1061 Trần Hưng Đạo	P. Đồng Đa	Trần Thị Bích Thủy	210027080	21/03/1996	CA Bình Định	7.338.574	-	2.212.712	-	4.436.520	-	54.342	635.000
9	Nguyễn Thị Bê	4100610366	Đảo 1 Bắc Sông Hà Thanh,KV9	P. Đồng Đa	Nguyễn Thị Bê	210190454	03/04/2003	CA Bình Định	9.823.643	-	1.508.854	-	7.346.905	-	706.784	261.100
10	Bùi Thị Kim Thoa	4100611257	710 Trần Hưng Đạo	P. Đồng Đa	Bùi Thị Kim Thoa	211689442	09/01/2012	CA Bình Định	1.520.313	-	418.991	-	837.982	-	-	263.340
11	Vô Quý Trung	4100646429	892/1 Đường Trần Hưng Đạo	P. Đồng Đa	Vô Quý Trung	211573929	15/12/2005	CA Bình Định	2.345.285	-	565.348	-	1.402.868	-	212.234	164.835
12	Phan Thị Hồng Nhung	4100661794	Tổ 3, Khu Vực 1	P. Đồng Đa	Phan Thị Hồng Nhung	211492800	24/10/2000	CA Bình Định	641.583	-	-	-	412.707	-	228.876	-
13	Châu Ngọc Minh	4100751180	09 Hoa Lư	P. Đồng Đa	Châu Ngọc Minh	211716979	02/06/1976	CA Bình Định	121.163	-	-	-	83.509	-	37.654	-
14	Đoàn Minh Tùng	4100803960	764 Trần Hưng Đạo	P. Đồng Đa	Đoàn Minh Tùng	211584616	15/02/2000	CA Bình Định	2.309.178	-	574.956	-	1.561.181	-	33.081	139.960
15	Hồ Trường Hải	4100837303	Tổ 48, Khu vực 9	P. Đồng Đa	Hồ Trường Hải	211535406	27/12/2006	CA Bình Định	2.423.047	-	141.431	-	1.907.716	-	-	373.900
16	Lê Viết Cừ	4101026280	993 Trần Hưng Đạo	P. Đồng Đa	Lê Viết Cừ	211750010	17/03/1998	CA Bình Định	1.421.173	-	453.337	-	929.736	-	-	38.100
17	Lương Thị Thuý Phương	4101048809	19B Hoa Lư	P. Đồng Đa	Lương Thị Thuý Phương	211522559	09/06/2005	CA Bình Định	203.607	-	67.329	-	134.658	-	-	1.620
18	Đoàn Phạm Trang Đài	4101078465	93-94 Hoa Lư	P. Đồng Đa	Đoàn Phạm Trang Đài	211622247	27/11/1991	CA Bình Định	927.991	-	-	-	286.245	-	331.096	310.650
19	Ngô Thị Kim Hạnh	4101168334	867 Trần Hưng Đạo	P. Đồng Đa	Ngô Thị Kim Hạnh	211809225	31/03/2000	CA Bình Định	8.365.015	-	2.816.909	-	5.497.106	-	-	51.000
20	Bùi Thị Kim Thoa	4101281587	710 Trần Hưng Đạo	P. Đồng Đa	Bùi Thị Kim Thoa	211589442	04/01/1997	CA Bình Định	17.420.731	-	5.425.415	-	11.369.816	-	-	625.500
21	Võ Thị Ngọc Kiều	4101387791	20 B Hoa Lư	P. Đồng Đa	Võ Thị Ngọc Kiều	211584722 BDI	21/03/1996	CA Bình Định	7.988.555	-	2.489.052	-	5.040.819	-	60.424	398.260
22	Thái Thị Thủy	4101395489	Lô 11 Chợ Nam sông Hà Thanh	P. Đồng Đa	Thái Thị Thủy	211656371	02/12/1995	CA Bình Định	2.726.785	-	-	-	2.016.039	-	524.356	186.390
23	Võ Thái Trung	4101457978	718/32/4 Trần Hưng Đạo	P. Đồng Đa	Võ Thái Trung	211584552	11/08/2015	CA Bình Định	6.604.022	-	1.382.247	-	4.714.375	-	-	507.400
24	Phan Thị Tuyết	4101459397	Tổ 10, Khu vực 2	P. Đồng Đa	Phan Thị Tuyết	270266423	09/04/1979	CA Đồng Nai	447.694	-	94.320	-	188.644	-	-	164.730
25	Châu Hoàng Vỹ	4101464044	62 Phạm Cự Lương	P. Đồng Đa	Châu Hoàng Vỹ	211706998	26/03/2013	CA Bình Định	166.650	-	53.002	-	107.078	-	-	6.570
26	Võ Việt Quốc Tài	4101467849	99 Hoa Lư	P. Đồng Đa	Võ Việt Quốc Tài	215328622	07/03/2013	CA Bình Định	1.591.923	-	472.734	-	945.579	-	-	173.610
27	Nguyễn Thị lệ Hằng	4101491464	99 Hoa Lư	P. Đồng Đa	Nguyễn Thị lệ Hằng	211741250	27/03/2008	CA Bình Định	397.022	-	127.884	-	255.773	-	-	13.365

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Phường, xã	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):						
										4272	4917	4927	4931	4934	4943	4944
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17
28	Nguyễn Thị Tường	4101491915	177 Hoa Lư	P. Đồng Đa	Nguyễn Thị Tường	211318387	16/10/2006	CA Bình Định	175.334	-	31.994	-	63.960	-	-	79.380
29	Đinh Văn Biển	4101502003	95 Hoa Lư	P. Đồng Đa	Đinh Văn Biển	162050033	17/06/2014	Bình Định	179.017	-	33.217	-	66.420	-	-	79.380
30	Nguyễn Văn Thông	4101502035	Khu vực 7	P. Đồng Đa	Nguyễn Văn Thông	194311015	17/10/2012	CA Quảng Bình	119.096	-	117.896	-	-	-	-	1.200
31	Võ Văn Sang	4101505808	09 Phùng Khắc Khoan	P. Đồng Đa	Võ Văn Sang	215567087	29/03/2017	CA Bình Định	44.397	-	13.779	-	27.558	-	-	3.060
32	Trần Trọng Sáng	4101529774	1049 Trần Hưng Đạo	P. Đồng Đa	Trần Trọng Sáng	221141202	10/12/2012	CA Phú Yên.	149.418	-	33.876	-	67.752	-	-	47.790
33	Nguyễn Thị Yến	8033991488	Tổ 24 khu vực 5	P. Đồng Đa	Nguyễn Thị Yến	211374156	07/10/2015	CA Bình Định	84.510	-	-	-	-	-	-	84.510
34	Võ Đức Trung	8040019629	Lô 11, 12 Hoàng Văn Thái	P. Đồng Đa	Võ Đức Trung	211787470	20/06/2014	CA Bình Định	368.774	-	82.815	-	165.629	-	-	120.330
35	Đỗ Huy Hùng	8087041725	tổ 33 khu vực 6	P. Đồng Đa	Đỗ Huy Hùng	215047092	22/12/2005	CA Bình Định	1.597.718	-	603.463	-	971.242	-	-	23.013
36	Trương Hoàng Long	8113857343	Tổ 9 khu vực 2	P. Đồng Đa	Trương Hoàng Long	211864674	12/07/2004	CA Bình Định	346.377	-	84.381	-	168.666	-	-	93.330
37	Nguyễn Thị Kim Hương	8194291737	Tổ 28, Khu vực 6	P. Đồng Đa	Nguyễn Thị Kim Hương	211584423	07/07/2010	CA Bình Định	2.883.720	-	2.758.320	-	-	-	-	125.400
38	Nguyễn Thị Thùy Trang	8194297915	Tổ 6, Khu vực 1	P. Đồng Đa	Nguyễn Thị Thùy Trang	211652470	20/09/2016	CA Bình Định	280.993	-	55.612	-	111.081	-	-	114.300
39	Đỗ Thị Hồng Thu	8233853809	19 Đặng Xuân Phong	P. Đồng Đa	Đỗ Thị Hồng Thu	215131555	07/08/2010	CA Bình Định	241.881	-	49.446	-	98.880	-	-	93.555
40	Nguyễn Tiến Dũng	8290084638	Tổ 46 khu vực 9	P. Đồng Đa	Nguyễn Tiến Dũng	211186008	28/07/2009	CA Bình Định	287.886	-	283.650	-	2.500	-	-	1.736
41	Phan Thị Thanh Lâm	8341974222	128 Lê Đại Hành	P. Đồng Đa	Phan Thị Thanh Lâm	215090333	11/12/2012	CA Bình Định	1.220.431	-	316.726	-	791.745	-	-	111.960
42	Hồ Sĩ Lam	8345051112	Tổ 9 khu vực 2	P. Đồng Đa	Hồ Sĩ Lam	211231169	01/07/1997	CA Bình Định	4.579.370	-	1.305.571	-	2.610.989	-	-	662.810
43	Nguyễn Thị Oanh	4100207291	01 Điện Biên Phủ	P. Đồng Đa	Nguyễn Thị Oanh	210132241	01/01/1980	CA Bình Định	1.676.989	-	-	-	-	273.618	1.204.921	198.450
44	Hà Văn Diệu	4100519195	1019 Đường Trần Hưng Đạo	P. Đồng Đa	Hà Văn Diệu	211583563	21/10/1993	CA Bình Định	78.095	-	-	-	-	-	-	78.095
45	Nguyễn Như Hải	4100605366	Lô 20 Đường Hoa Lư	P. Đồng Đa	Nguyễn Như Hải	201250699	06/04/2005	CA TP Đà Nẵng	77.400	-	-	-	-	-	-	77.400
46	Đào Thị Minh Tuyết	4100647373	740 Trần Hưng Đạo	P. Đồng Đa	Đào Thị Minh Tuyết	210971659	03/11/1981	CA Bình Định	132.300	-	-	-	-	-	-	132.300
47	Nguyễn Ngọc Trác	4100708114	Lô 129 Hoa Lư, P.Đồng Đa	P. Đồng Đa	Nguyễn Ngọc Trác	210272544	05/03/1996	CA Bình Định	132.300	-	-	-	-	-	-	132.300
48	Trần Thanh Bình	4101210385	Tổ 51, Khu vực 10	P. Đồng Đa	Trần Thanh Bình	211803094	23/06/2010	CA Bình Định	132.300	-	-	-	-	-	-	132.300
	P. Ngô Mây		71	NNT					131.474.436	-	28.193.065	-	77.079.992	-	16.892.218	9.309.161
1	Lê Phạm Hiệp Thành	4000554485	284 Nguyễn Thái Học	P. Ngô Mây	Lê Phạm Hiệp Thành	211814654	19/03/2013	CA Bình Định	144.500		44.459		88.881		-	11.160
2	Đỗ Cao Thắng	4100218310	164 Nguyễn Thái Học	P. Ngô Mây	Đỗ Cao Thắng	211179589	02/08/1995	CA Bình Định	253.491		253.491		-		-	-
3	Nguyễn Thị Thược	4100221345	74 Ngô Mây	P. Ngô Mây	Nguyễn Thị Thược	210211882	17/05/1995	CA Bình Định	1.980.699		659.899		1.315.760		-	5.040
4	Trần Thị Hoà	4100227675	12 Võ Lai		Trần Thị Hoà	210985362	01/01/1980	CA Bình Định	1.393.004		395.659		795.181		202.164	-
5	Huỳnh Thị Thu Hồng	4100362924	10 Nguyễn Lữ	P. Ngô Mây	Huỳnh Thị Thu Hồng	211189588	02/08/1995	CA Bình Định	2.477.436		663.016		1.659.384		133.766	21.270
6	Nguyễn Hùng	4100366478	68 Nguyễn Thị Minh Khai	P. Ngô Mây	Nguyễn Hùng	211328415	01/06/1993	CA Bình Định	1.980.021		621.285		1.222.393		24.383	111.960

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Phường, xã	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):						
										4272	4917	4927	4931	4934	4943	4944
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17
7	Ngô Kỳ Hoi	4100442016	35/13/01 Võ Văn Dũng	P. Ngô Mỹ	Ngô Kỳ Hoi	210018240	23/03/1978	CA Nghĩa Bình	32.434.676		2.907.278		16.099.076		12.803.062	625.260
8	Ngô Thị Quy	4100542892	136 Ngô Mỹ	P. Ngô Mỹ	Ngô Thị Quy	211800004	23/05/1999	CA Bình Định	550.306		137.789		337.966		62.251	12.300
9	Nguyễn Thị Kim Phụng	4100612476	14 Võ Văn Dũng	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Thị Kim Phụng	210025933	18/03/1978	CA Nghĩa Bình	3.047.126		1.088.134		1.626.576		256.156	76.260
10	Nguyễn Văn Bồng	4100623534	252 Nguyễn Thái Học	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Văn Bồng	211328412	01/06/1994	CA Bình Định	929.553		343.837		501.080		10.704	73.932
11	Nguyễn Thị Hồng Vân	4100623728	93 Hàm Nghi	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Thị Hồng Vân	211656517	06/05/2003	CA Bình Định	1.797.594		294.957		931.300		547.937	23.400
12	Nguyễn Thị Lan	4100682811	47A Nguyễn Nhạc	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Thị Lan	210038485	10/12/2007	CA Bình Định	3.973.984		1.103.107		2.739.534		13.383	117.960
13	Đặng Thị Điện	4100728294	74 Biên Cương	P. Ngô Mỹ	Đặng Thị Điện	210547543	06/09/2002	CA Bình Định	414.845		-		-		109.217	305.628
14	Võ Đăng Khoa	4100729812	315 Nguyễn Thái Học	P. Ngô Mỹ	Võ Đăng Khoa	211826366	25/06/2012	CA Bình Định	4.067.392		1.122.093		2.800.927		125.652	18.720
15	Nguyễn Lê Yến Loan	4100780424	03D Trần Thị Kỳ	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Lê Yến Loan	211243735	05/01/2009	CA Bình Định	502.095		104.378		260.946		-	136.771
16	Trần Thị Năm	4100800624	308 Diên Hồng	P. Ngô Mỹ	Trần Thị Năm	210192379	04/12/2007	CA Bình Định	704.341		21.772		596.349		-	86.220
17	Nguyễn Thị Đài	4100877835	Tổ 5 khu vực 7	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Thị Đài	211186404	28/07/2005	CA Bình Định	7.028.106		816.936		4.832.615		619.915	758.640
18	Trần Nguyễn Nam Trung	4100951084	176 Nguyễn Thái Học	P. Ngô Mỹ	Trần Nguyễn Nam Trung	211758382	09/10/2014	CA Bình Định	152.930		45.751		91.519		-	15.660
19	Nguyễn Văn Ngọc	4100986337	51/6 Nguyễn Nhạc	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Văn Ngọc	211828540	07/08/2012	CA Bình Định	1.272.890		385.560		771.120		-	116.210
20	Nguyễn Thị Sơn Ca	4101022046	38 Võ Lai	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Thị Sơn Ca	210211156	04/10/2007	CA Bình Định	12.425.097		3.732.938		7.561.465		326.244	804.450
21	Đinh Văn Tý	4101105359	120 Vũ Bảo	P. Ngô Mỹ	Đinh Văn Tý	211371529	17/04/2003	CA Bình Định	431.632		112.977		226.342		-	92.313
22	Nguyễn Thị Tám	4101270306	134 Diên Hồng	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Thị Tám	211536001	25/03/2005	CA Bình Định	495.925		121.766		243.478		130.681	-
23	Trần Anh Toàn	4101372481	109 Nguyễn Thái Học	P. Ngô Mỹ	Trần Anh Toàn	215381487	07/07/2010	CA Bình Định	3.232.274		950.502		1.954.695		34.927	292.150
24	Nguyễn Anh Tuấn Phú	4101389492	16 Ngô Mỹ	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Anh Tuấn Phú	215296324	09/03/2009	CA Bình Định	1.307.291		355.445		641.304		230.452	80.090
25	Lê Thị Tuyết Như	4101407462	28 Võ Lai	P. Ngô Mỹ	Lê Thị Tuyết Như	211803877	18/02/2000	CA Bình Định	782.278		-		-		508.978	273.300
26	Phan Thị Mỹ Liên	4101414999	Số 287 Hoàng Văn Thu, Tổ 5, khu vực 7	P. Ngô Mỹ	Phan Thị Mỹ Liên	211604765	24/02/2009	CA Bình Định	1.083.951		275.325		689.036		113.380	6.210
27	Thái Văn Lâm	4101425119	288 Diên Hồng	P. Ngô Mỹ	Thái Văn Lâm	215197152	20/03/2008	CA Bình Định	782.838		-		782.838		-	-
28	Phạm Đặng Duy	4101431031	20 Nguyễn Văn Trỗi	P. Ngô Mỹ	Phạm Đặng Duy	211716375	21/05/2013	CA Bình Định	515.025		133.251		333.144		-	48.630
29	Nguyễn Thanh Trí	4101445122	Tổ 6, Khu vực 8	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Thanh Trí	211797217	22/07/1999	CA Bình Định	3.528.045		1.121.988		2.228.997		-	177.060
30	Hồ Văn Phòng	4101447497	273 Nguyễn Thái Học	P. Ngô Mỹ	Hồ Văn Phòng	215022585	07/08/2010	CA Bình Định	233.304		61.848		123.486		-	47.970
31	Nguyễn Thị Hà	4101462907	8/1 tầng 3 khu tập thể ngân hàng, Võ Văn Dũng	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Thị Hà	194232970	26/08/2015	CA Quảng Bình.	1.649.786		470.268		940.298		-	239.220
32	Lê Thị Bích Mai	4101466387	82 Vũ Bảo	P. Ngô Mỹ	Lê Thị Bích Mai	215196120	01/01/1990	CA Bình Định	145.374		32.175		64.329		-	48.870

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Phường, xã	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):						
										4272	4917	4927	4931	4934	4943	4944
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17
33	Nguyễn Khắc Tú	4101479234	93 Biên Cương	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Khắc Tú	030086003196	22/11/2016	CA Hải Dương.	589.250		194.468		388.752		-	6.030
34	Thân Viết Lâm	4101484876	59 Vũ Bảo	P. Ngô Mỹ	Thân Viết Lâm	215902349	10/06/2011	CA Bình Định	1.264.846		386.002		772.014		-	106.830
35	Đỗ Thị Tuyết Nhung	4101487891	36 Ngô Mỹ	P. Ngô Mỹ	Đỗ Thị Tuyết Nhung	215281413	25/04/2017	CA Bình Định	704.696		189.244		378.344		-	137.108
36	Trương Mộng Thanh Trúc	4101493609	76 Võ Lai	P. Ngô Mỹ	Trương Mộng Thanh Trúc	215166778	11/11/2015	CA Bình Định	612.369		175.212		350.532		-	86.625
37	Lê Thị Hương	4101499495	192A Nguyễn Thái Học	P. Ngô Mỹ	Lê Thị Hương	210249373	28/11/2002	CA Bình Định	480.866		160.210		320.341		-	315
38	Nguyễn Thị Thúy Phương	4101511463	02 Trần Thị Kỳ	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Thị Thúy Phương	215445306	26/02/2013	CA Bình Định	1.393.931		425.424		850.877		-	117.630
39	Lê Giang Sơn	4101511819	170 Diên Hồng	P. Ngô Mỹ	Lê Giang Sơn	215245240	15/03/2007	CA Bình Định	266.581		65.656		131.265		-	69.660
40	Phạm Thị Mọi	4101513527	72 Trần Thị Kỳ	P. Ngô Mỹ	Phạm Thị Mọi	210336345	12/12/2014	CA Bình Định	404.001		118.293		236.568		-	49.140
41	Võ Thị Như Huyền	4101520330	20 Nguyễn Văn Trỗi	P. Ngô Mỹ	Võ Thị Như Huyền	215031459	21/05/2013	CA Bình Định	752.967		234.675		469.287		-	49.005
42	Huỳnh Văn Tính	4101526117	64 Vũ Bảo	P. Ngô Mỹ	Huỳnh Văn Tính	231086667	14/11/2016	CA Gia Lai.	112.476		21.262		42.524		-	48.690
43	Nguyễn Hồng Bảo Khoa	4101527696	170 Diên Hồng	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Hồng Bảo Khoa	215445084	04/05/2018	CA Bình Định	399.693		111.405		278.523		-	9.765
44	Đinh Thị Hà Chung	6100119507	80 Nguyễn Nhạc	P. Ngô Mỹ	Đinh Thị Hà Chung	233022990	03/09/2015	CA Kon Tum.	304.650		86.040		172.080		-	46.530
45	Hoàng Thị Nhi Khoa	8000644640	336 Diên Hồng	P. Ngô Mỹ	Hoàng Thị Nhi Khoa	211739648	16/09/2010	CA Bình Định	1.208.508		385.326		770.622		-	52.560
46	Huỳnh Kim Nguyệt	8011151527	263/7 Hoàng Văn Thụ	P. Ngô Mỹ	Huỳnh Kim Nguyệt	385347303	30/07/2008	CA Bạc Liêu	1.737.975		536.958		1.073.712		-	127.305
47	Đỗ Thị Hạnh Vân	8018508134	39 Võ Lai	P. Ngô Mỹ	Đỗ Thị Hạnh Vân	230549248	03/03/2008	CA Gia Lai	522.153		165.644		331.219		-	25.290
48	Nguyễn Thị Hồng Ân	8019240539	368B Nguyễn Thái Học	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Thị Hồng Ân	210914510	23/10/2015	CA Bình Định	314.531		104.831		209.655		-	45
49	Trịnh Thị Tú Trinh	8021417430	315 Nguyễn Thái Học	P. Ngô Mỹ	Trịnh Thị Tú Trinh	215118224	11/05/2011	CA Bình Định	39.006		9.837		19.674		-	9.495
50	Cao Nguyễn Quang Khải	8026024810	255 D Nguyễn Thái Học	P. Ngô Mỹ	Cao Nguyễn Quang Khải	215116043	16/07/2009	CA Bình Định	967.832		320.723		640.359		-	6.750
51	Nguyễn Thị Vũ Phương	8026288683	12B Nguyễn Lữ	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Thị Vũ Phương	211894623	04/06/2010	CA Bình Định	789.815		219.800		483.285		-	86.730
52	Vũ Thị Ngọc Phương	8029420996	310A Nguyễn Thái Học	P. Ngô Mỹ	Vũ Thị Ngọc Phương	215089569	10/03/2005	CA Bình Định	3.797.979		812.730		2.618.169		-	367.080
53	Lê Phú Thịnh	8034928104	Tổ 5 khu vực 7	P. Ngô Mỹ	Lê Phú Thịnh	211787221	14/02/2011	CA Bình Định	2.184.649		632.414		1.264.835		-	287.400
54	Phan Lê Quốc Tuấn	8056484364	18 Biên Cương	P. Ngô Mỹ	Phan Lê Quốc Tuấn	215083841	09/03/2006	CA Bình Định	3.244.779		886.011		2.214.948		-	143.820
55	Nguyễn Ngọc Vũ	8066821530	226 Ngô Mỹ	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Ngọc Vũ	211637907	15/05/2008	CA Bình Định	1.511.043		423.035		757.713		64.495	265.800
56	Trần Tôn Tuấn	8075725826	338 Nguyễn Thái Học	P. Ngô Mỹ	Trần Tôn Tuấn	211112646	28/03/2001	CA Bình Định	1.315.619		411.793		791.351		-	112.475
57	Nguyễn Công Hoàn	8092788745	46 Nguyễn Nhạc	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Công Hoàn	211804245	03/03/2000	CA Bình Định	315.507		-		-		145.508	169.999
58	Lâm Thị Đoàn Chính	8104090612	280A Diên Hồng	P. Ngô Mỹ	Lâm Thị Đoàn Chính	215017896	01/07/2003	CA Bình Định	222.335		56.306		108.609		-	57.420
59	Trần Đình Trọng	8117900649	147 Nguyễn Thái Học	P. Ngô Mỹ	Trần Đình Trọng	215118071	15/10/2011	CA Bình Định	940.351		276.101		552.290		-	111.960
60	Trần Cảnh	8206745748	237 Hoàng Văn Thụ	P. Ngô Mỹ	Trần Cảnh	210954612	05/06/2008	CA Bình Định	400.377		133.392		266.786		-	199

STT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh	Phường, xã	Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):						
										4272	4917	4927	4931	4934	4943	4944
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+17	11	12	13	14	15	16	17
61	Nguyễn Thị Kim Ngọc	8234478163	255 Nguyễn Thái Học	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Thị Kim Ngọc	211716236	20/08/2013	CA Bình Định	38.989		8.438		16.871		-	13.680
62	Phan Khoa Lộc	8234479544	148 Diên Hồng	P. Ngô Mỹ	Phan Khoa Lộc	215090584	19/05/2005	CA Bình Định	3.514.265		-		2.887.896		428.963	197.406
63	Hồ Thanh Kỳ Tá	8286296220	128 Hàm Nghi	P. Ngô Mỹ	Hồ Thanh Kỳ Tá	215249944	06/11/2014	CA Bình Định	1.521.938		506.858		1.013.730		-	1.350
64	Bùi Công Thắng	8293194526	368A Nguyễn Thái Học	P. Ngô Mỹ	Bùi Công Thắng	211017656	04/11/2004	CA Bình Định	843.401		146.126		310.396		-	386.879
65	Nguyễn Đặng Bích Hằng	8304986766	64 Vũ Bảo	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Đặng Bích Hằng	215299738	27/02/2018	CA Bình Định	312.463		75.414		150.829		-	86.220
66	Nguyễn Thị Kiều	8336745932	71A Biên Cương	P. Ngô Mỹ	Nguyễn Thị Kiều	215095050	19/09/2014	CA Bình Định	1.487.843		391.753		979.930		-	116.160
67	Hồ Ái Trang	8337031602	95 Nguyễn Thái Học	P. Ngô Mỹ	Hồ Ái Trang	215295120	13/01/2009	CA Bình Định	950.732		104.700		209.322		-	636.710
68	Huỳnh Thanh Minh	8341125645	36 Ngô Mỹ	P. Ngô Mỹ	Huỳnh Thanh Minh	211437670	08/07/2013	CA Bình Định	834.511		182.308		364.640		-	287.563
69	Lê Văn Tài	8354234874	20 Võ Mười	P. Ngô Mỹ	Lê Văn Tài	211105690	31/05/2007	CA Bình Định	379.575		13.520		135.757		-	230.298
70	Lê Hoàng Phong	8356026446	84 Diên Hồng	P. Ngô Mỹ	Lê Hoàng Phong	285143927	30/05/2012	CA Bình Phước.	332.215		103.997		207.968		-	20.250
71	Lâm Lê Hữu Đức	8367618839	69 Vũ Bảo	P. Ngô Mỹ	Lâm Lê Hữu Đức	215358280	21/05/2011	CA Bình Định	2.741.910		739.275		1.848.300		-	154.335